

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt danh mục, kế hoạch lập các quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng
giai đoạn 2021÷2025 trên địa bàn Thành phố**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017;
Văn bản hợp nhất Luật Quy hoạch đô thị số 16/VBHN-VPQH ngày 15/7/2020 của Văn phòng Quốc hội;
Văn bản hợp nhất Luật Xây dựng số 02/VBHN-VPQH ngày 15/7/2020 của Văn phòng Quốc hội.
Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14 (có hiệu lực từ ngày 01/7/2020);
Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của luật quy hoạch;
Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
Quyết định 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội;
Chương trình số 05-CTr/TU ngày 17/3/2021 về đẩy mạnh công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường; chủ động phòng, chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn, ứng phó biến đổi khí hậu trên địa bàn thành phố Hà Nội;
Chương trình số 03-CTr/TU ngày 17/3/2021 về chỉnh trang đô thị, phát triển đô thị và kinh tế đô thị thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025;
Quyết định số 72/2014/QĐ-UBND ngày 17/9/2014 của UBND Thành phố quy định về lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đồ án và quản lý theo đồ án quy hoạch đô thị;
Văn bản đề xuất của các quận, huyện, thị xã và Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội về việc lập các đồ án quy hoạch giai đoạn 2021÷2025.
Xét đề nghị của Sở Quy hoạch-Kiến trúc tại Văn bản số 709/QHKT-KHTH ngày 21/02/2022 về việc hoàn chỉnh và đề nghị phê duyệt danh mục, kế hoạch lập các quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn Thành phố,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt danh mục, kế hoạch lập các quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng giai đoạn 2021÷2025 trên địa bàn Thành phố; Chi tiết tại phụ lục kèm theo quyết định này.

Điều 2. Mục đích, yêu cầu, nguyên tắc thực hiện

1. Mục đích

Xây dựng danh mục, kế hoạch lập các quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn Thành phố gắn liền với bố trí nguồn vốn để tổ chức thực hiện theo quy định của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư công.

Tiếp tục cụ thể hóa Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thông qua xây dựng danh mục các đề án quy hoạch để phù hợp quy hoạch theo thứ tự, tăng bậc tại các khu vực ổn định. Từ đó xác định các đề án trọng tâm, phù hợp thực hiện năm 2021-2022 phục vụ yêu cầu quản lý của chính quyền các cấp và đầu tư xây dựng nhằm mục tiêu hoàn thành đồng bộ và phù hợp 100% quy hoạch chung đô thị, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết thuộc thẩm quyền phê duyệt.

Hoàn thiện công cụ quản lý quy hoạch kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, phục vụ yêu cầu quản lý đầu tư xây dựng, phát triển đô thị, thúc đẩy kinh tế xã hội của địa phương cũng như của Thủ đô Hà Nội theo đúng định hướng Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Phân công trách nhiệm tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch cho từng đơn vị gắn với trách nhiệm bố trí nguồn vốn cho chính quyền các cấp, tuân thủ quy định hiện hành của nhà nước và Thành phố.

Thúc đẩy kiện toàn bộ máy, nâng cao năng lực, chất lượng chuyên môn phòng quản lý đô thị thuộc UBND cấp huyện, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong lĩnh vực quản lý quy hoạch kiến trúc và đầu tư xây dựng của Thành phố.

2. Yêu cầu

Các loại hình quy hoạch, quy chế trong kế hoạch phải phù hợp với trách nhiệm tổ chức lập, thẩm định và thẩm quyền phê duyệt quy định tại Luật Quy hoạch đô thị, Luật Xây dựng, Luật Kiến trúc. Phù hợp với yêu cầu quản lý quy hoạch kiến trúc của Thành phố.

Tăng cường tỷ lệ phù hợp quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, quy chế quản lý kiến trúc theo tầng bậc, phù hợp với yêu cầu, quy định của Luật Quy hoạch đô thị, Luật xây dựng, Luật Kiến trúc, các nghị định, thông tư hướng dẫn có liên quan.

Đảm bảo không chồng lấn ranh giới, trùng lặp khối lượng các đề án đề xuất với các đề án được giao từ năm 2020 trở về trước; nâng cao tính khả thi, tiết kiệm kinh phí, phát huy hiệu quả của đề án sau khi phê duyệt. Các đề án cùng tỷ lệ, cấp độ, đang trong giai đoạn nghiên cứu hoặc đã được cấp thẩm quyền phê duyệt phải được cập nhật, lồng ghép, tính toán để giảm trừ chi phí theo quy định, phù hợp với thực tiễn.

Thống nhất nguồn vốn lập quy hoạch gắn với trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch. Không sử dụng vốn ngân sách cho các quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh.

Trong bối cảnh hiện nay, điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô đang được Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội, Sở Quy hoạch - Kiến trúc tổ chức lập (theo chủ trương được Chính phủ chấp thuận và các kế hoạch, quyết định của UBND Thành phố) song song với việc tiếp tục triển khai cụ thể hóa Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 ở các đô thị vệ tinh và một số quy hoạch phân khu nội đô, do đó

kế hoạch lập các quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng giai đoạn 2021÷2025 trên địa bàn Thành phố cần được nghiên cứu, tổ chức lập tại các khu vực ổn định, khả năng ít bị tác động bởi điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung Thủ đô để đảm bảo việc hoàn thành phê duyệt các quy hoạch cũng như phát huy hiệu quả trong thực tiễn sau khi quy hoạch được duyệt (nội dung này đã được Sở Quy hoạch - Kiến trúc yêu cầu các UBND các quận, huyện, thị xã trong quá trình đề xuất, xây dựng danh mục).

3. Nguyên tắc thực hiện:

Do tính chất đặc thù của công tác quy hoạch, báo cáo đề xuất của các đơn vị cũng như trong điều kiện các quy định có liên quan còn đang được cấp thẩm quyền hoàn chỉnh, chưa được ban hành đầy đủ, do đó trong quá trình thực hiện, đối với các đồ án có trong danh mục mà đủ điều kiện xác định sự phù hợp, tuân thủ các quy định hiện hành về: Trình tự, thủ tục, thẩm quyền, sự cần thiết, phù hợp với quy hoạch cấp trên, quy mô, nguồn vốn lập quy hoạch thì các đơn vị được giao tiến hành tổ chức thực hiện (các nội dung có thay đổi nhỏ thì báo cáo cấp thẩm quyền trong giai đoạn trình duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch); các đồ án xét thấy chưa đáp ứng được yêu cầu nêu trên thì các đơn vị được giao lập có trách nhiệm đề xuất, báo cáo, gửi Sở Quy hoạch - Kiến trúc để tham mưu, báo cáo UBND Thành phố xem xét, quyết định việc tổ chức thực hiện hoặc điều chỉnh loại bỏ khỏi kế hoạch này.

Các đồ án khác phát sinh ngoài danh mục, kế hoạch do nhu cầu quản lý quy hoạch kiến trúc thực tế của từng, đơn vị địa phương sẽ được Sở Quy hoạch - Kiến trúc chủ trì nghiên cứu, tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố xem xét, bổ sung.

Về cấm mốc giới và quản lý mốc giới theo quy hoạch xây dựng đối với các tuyến đường giao thông và các công trình hạ tầng kỹ thuật theo quy định của Thông tư 10/2016/TT-BXD ngày 15/3/2016 của Bộ Xây dựng: Giao Sở Quy hoạch - Kiến trúc chủ trì phối hợp với các Sở chuyên ngành, UBND các quận, huyện lập kế hoạch cấm mốc các tuyến đường giao thông và các công trình hạ tầng kỹ thuật báo cáo UBND Thành phố phê duyệt theo quy định (không bao gồm các công trình sẽ được đầu tư xây dựng theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố).

Các đơn vị được giao thực hiện các quy hoạch, thiết kế đô thị... từ năm 2020 trở về trước phải tập trung hoàn thành dứt điểm, trình cấp thẩm quyền phê duyệt các quy hoạch được giao. Việc xem xét tổ chức lập các quy hoạch trong kế hoạch này phải được xem xét khả năng thực hiện của đơn vị được giao tổ chức lập.

Sau khi Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô được phê duyệt, căn cứ chỉ đạo của cấp thẩm quyền, quy định của pháp luật hiện hành, Sở Quy hoạch - Kiến trúc sẽ nghiên cứu, đề xuất, báo cáo UBND Thành phố xem xét ban hành kế hoạch riêng để tổ chức lập các quy hoạch cấp dưới, cụ thể hóa quy hoạch chung được duyệt.

4. Nội dung danh mục kế hoạch thực hiện

Trên cơ sở mục đích, yêu cầu, định hướng chung nêu trên; căn cứ danh mục các đồ án thực hiện giai đoạn 2021÷2025 do UBND các quận, huyện, thị xã, Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội đề xuất được Sở Quy hoạch - Kiến trúc chủ trì tổng hợp, danh mục kế hoạch lập các quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng giai đoạn 2021÷2025 gồm 236 đồ án, nhóm đồ án, cụ thể như sau:

- (1). Quy hoạch chung đô thị (01 đồ án).
- (2). Quy hoạch phân khu đô thị (04 đồ án).
- (3). Quy hoạch chi tiết đô thị (146 đồ án, nhóm đồ án).
- (4). Thiết kế đô thị riêng (34 đồ án, nhóm đồ án).
- (5). Quy hoạch xây dựng vùng huyện (14 đồ án).
- (6). Quy hoạch phân khu xây dựng khu chức năng (18 đồ án, nhóm đồ án).
- (7). Quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng (10 đồ án, nhóm đồ án).
- (8). Quy hoạch nông thôn (gồm 2 nhóm đồ án: Quy hoạch chung xây dựng xã; QHCT trung tâm xã, điểm dân cư nông thôn: Thực hiện theo yêu cầu quản lý thực tiễn của các địa phương).
- (9). Quy chế quản lý kiến trúc, danh mục công trình kiến trúc có giá trị (02 nhóm công việc, thực hiện theo kế hoạch riêng).
- (10). Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật (05 đồ án, nhóm đồ án).

(Chi tiết danh mục, đơn vị thực hiện, tiến độ dự kiến... kèm theo tại Phụ lục).

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân Thành phố phân công đồng chí Dương Đức Tuấn, Phó Chủ tịch UBND Thành phố chỉ đạo các sở, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã thực hiện Kế hoạch này.

2. Sở Quy hoạch - kiến trúc:

Theo chức năng, nhiệm vụ, Sở Quy hoạch Kiến trúc là cơ quan thường trực, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các đơn vị thực hiện Kế hoạch này.

Báo cáo tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện sau khi kết thúc thời gian thực hiện Kế hoạch; kiến nghị, đề xuất UBND Thành phố. Tổng hợp, tham mưu Ban Cán sự Đảng UBND Thành phố báo cáo Thường trực, Ban Thường vụ Thành ủy về kết quả thực hiện Kế hoạch theo yêu cầu.

3. Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã: Xây dựng kế hoạch triển khai, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này, báo cáo quận ủy, huyện ủy, thị ủy để lãnh đạo, chỉ đạo các hệ thống chính trị phối hợp thực hiện, đảm bảo quy trình quy định của pháp luật.

4. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp thành phố Hà Nội, Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội: Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao đảm bảo tiến độ, chất lượng.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với Sở Tài chính và Sở Quy hoạch - Kiến trúc nghiên cứu các quy định hiện hành, tham mưu UBND Thành phố về nguồn vốn, quy trình thực hiện bố trí vốn cho các đồ án quy hoạch, quy chế... sử dụng ngân sách để các đơn vị tổ chức thực hiện.

6. Chế độ báo cáo:

Định kỳ 6 tháng (trước ngày 25/6 và 25/12), Sở Quy hoạch - Kiến trúc tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch này, báo cáo UBND Thành phố.

Theo chức năng, nhiệm vụ, Giám đốc, thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan của Thành phố tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch này. Định kỳ 6 tháng (trước ngày 20/6 và 20/12), các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã báo cáo

kết quả thực hiện Kế hoạch, gửi Sở Quy hoạch Kiến trúc để tổng hợp.

7. Văn phòng UBND Thành phố: Trên cơ sở báo cáo của cơ quan thường trực, tổng hợp, tham mưu Chủ tịch UBND Thành phố đưa kết quả việc thực hiện Kế hoạch vào nội dung giao ban tháng, giao ban quý của UBND Thành phố.

8. Các sở, ban, ngành Thành phố; UBND các quận, huyện, thị xã chịu trách nhiệm về danh mục, kế hoạch lập các đồ án đề xuất. Trong quá trình thực hiện Kế hoạch, Sở Quy hoạch - Kiến trúc với vai trò cơ quan chủ trì về công tác quy hoạch của Thành phố có trách nhiệm tham mưu, báo cáo UBND Thành phố chỉ đạo thực hiện đối với các trường hợp phát sinh, các khó khăn vướng mắc. UBND Thành phố yêu cầu các sở, ban, ngành, các đơn vị có liên quan, UBND các quận huyện, thị xã khẩn trương tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này, kịp thời báo cáo những vướng mắc, khó khăn phát sinh về cơ quan thường trực để tổng hợp chung, báo cáo UBND Thành phố kịp thời chỉ đạo, giải quyết.

9. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã thuộc thành phố Hà Nội và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: ✓

- Như điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- TT Thành ủy, TT HĐND TP;
- Các Bộ: XD; NV: KH&ĐT; TP;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- Đ/c Chủ tịch UBNDTP;
- Các đ/c PCT UBNDTP;
- Đài PT&THHN; Các Báo: HNM, KTĐT;
- Trung tâm THCB, Công TTĐTTP;
- VPUB: Các đ/c PCVP; *Thị Ngọc*
- Lưu VT (.....bản).

10

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN²
CHỦ TỊCH

Chu Ngọc Anh

Phụ lục I

DANH MỤC CÁC ĐỒ ÁN QUY HOẠCH, QUY CHẾ ĐỀ XUẤT MỚI, THỰC HIỆN TRONG GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 837/QĐ-UBND ngày 04/3/2021 của UBND Thành phố)

| Stt (1) | Tên đồ án, quy chế... (2) | Tỷ lệ (3) | Địa điểm (4) | | Quy mô (5) | Đơn vị tổ chức thực hiện (6) | Thời gian thực hiện | | Ghi chú (9) | Văn bản đề xuất của đơn vị (10) |
|---|--|----------------------|--|---------------|-------------------------|---|---------------------|---------------------------|--|---|
| | | | Phường/xã | Quận/huyện | | | Bắt đầu (7) | Dự kiến hoàn thành (8) | | |
| I. QUY HOẠCH ĐÔ THỊ (theo Luật Quy hoạch đô thị) | | | | | | | | | | |
| I.1. Quy hoạch chung đô thị | | | | | | | | | | |
| I.1.1 | Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 | 1/10.000 1/25.000 | Thành phố Hà Nội | | 3.344,6 km ² | Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội | 2021 | 2023 | Thực hiện theo Kế hoạch số 129/KH-UBND ngày 15/5/2021 và Quyết định số 4199/QĐ-UBND ngày 17/9/2021 của UBND Thành phố | Sở Quy hoạch - Kiến trúc cập nhật trong kế hoạch |
| I.2. Quy hoạch phân khu đô thị | | | | | | | | | | |
| I.2.1 | Quy hoạch phân khu đô thị ST1: Gồm 09 quy hoạch phân khu đô thị thuộc 08 phường thuộc khu vực đô thị hiện hữu. | 1/2000 | Phường Lê Lợi, Ngô Quyền, Quang Trung, Sơn Lộc, Trung Hưng, Phú Thịnh, Viên Sơn, Trung Sơn Trầm - thị xã Sơn Tây - TP Hà Nội | Sơn Tây | 1786,00 | UBND thị xã Sơn Tây và Viện QH xây dựng Hà Nội | 2014 | 2021 | Đồ án đang triển khai thực hiện, gồm 09 đồ án QHPK đô thị thuộc 8 phường thực hiện theo nhiệm vụ đã được UBND thành phố giao tại Quyết định số 4922/QĐ-UBND ngày 24/9/2014 | Công văn số 1887/UBND-QLĐT ngày 27/8/2021 của UBND thị xã Sơn Tây |
| I.2.2 | Quy hoạch phân khu đô thị ST2 | 1/2000 | Xã Đường Lâm, Thanh Mỹ - thị xã Sơn Tây - TP Hà Nội | Sơn Tây | 456,00 | UBND thị xã Sơn Tây | 2021 | 2022 | Đồ án đề xuất mới. Thực hiện theo chỉ đạo của Phó Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội tại Văn bản số 4484/VP-ĐT ngày 14/5/2021. | Công văn số 1887/UBND-QLĐT ngày 27/8/2021 của UBND thị xã Sơn Tây |
| I.2.3 | Quy hoạch phân khu đô thị ST3 | 1/2000 | Phường Xuân Khanh và xã Thanh Mỹ, Xuân Sơn - thị xã Sơn Tây - TP Hà Nội | Sơn Tây | 1181,00 | UBND thị xã Sơn Tây | 2021 | 2022 | Đồ án đề xuất mới. Thực hiện theo chỉ đạo của Phó Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội tại Văn bản số 4484/VP-ĐT ngày 14/5/2021. | Công văn số 1887/UBND-QLĐT ngày 27/8/2021 của UBND thị xã Sơn Tây |
| I.2.4 | Quy hoạch phân khu đô thị ST4 | 1/2000 | Xã Đường Lâm, Thanh Mỹ, Xuân Sơn - thị xã Sơn Tây và xã Cam Thương - huyện Ba Vì - TP Hà Nội | Nhiều địa bàn | 1259,00 | Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình Dân dụng và Công nghiệp | 2021 | 2022 | Đồ án đề xuất mới. Thực hiện theo chỉ đạo của Phó Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội tại Văn bản số 4484/VP-ĐT ngày 14/5/2021. | Công văn số 1887/UBND-QLĐT ngày 27/8/2021 của UBND thị xã Sơn Tây |
| I.3. Quy hoạch chi tiết đô thị | | | | | | | | | | |

| Stt (1) | Tên đồ án, quy chế... (2) | Tỷ lệ (3) | Địa điểm (4) | | Quy mô (5) | Đơn vị tổ chức thực hiện (6) | Thời gian thực hiện | | Ghi chú (9) | Văn bản đề xuất của đơn vị (10) |
|------------|---|--------------|--------------------------------------|-------------|---------------|------------------------------------|---------------------|------------------------------|---|---|
| | | | Phường/xã | Quận/huyện | | | Bắt đầu (7) | Dự kiến hoàn thành (8) | | |
| 1.3.1 | Khu đấu giá quyền sử dụng đất ở xã Minh Cường thuộc ô quy hoạch 2.01 - ký hiệu PX - 01, quy hoạch đô thị vệ tinh Phú Xuyên | 1/500 | Thị trấn Thường Tín | Thường Tín | 9,86 | UBND huyện Thường Tín | Quý IV/2021 | Quý II/2022 | | Công văn số 1169/UBND-QLĐT ngày 01/9/2021 của UBND huyện Thường Tín |
| 1.3.2 | Khu đấu giá quyền sử dụng đất ở xã Văn Tự thuộc ô quy hoạch 1.02 - ký hiệu PX - 04, quy hoạch đô thị vệ tinh Phú Xuyên | 1/500 | Thị trấn Thường Tín | Thường Tín | 16,40 | UBND huyện Thường Tín | Quý IV/2021 | Quý II/2022 | | Công văn số 1169/UBND-QLĐT ngày 01/9/2021 của UBND huyện Thường Tín |
| 1.3.3 | Khu đấu giá quyền sử dụng đất ở xã Văn Tự thuộc ô quy hoạch 1.03 - ký hiệu PX - 03, quy hoạch đô thị vệ tinh Phú Xuyên | 1/500 | Thị trấn Thường Tín | Thường Tín | 13,20 | UBND huyện Thường Tín | Quý IV/2021 | Quý II/2022 | | Công văn số 1169/UBND-QLĐT ngày 01/9/2021 của UBND huyện Thường Tín |
| 1.3.4 | Giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch để đấu giá QSD đất tại xã Văn Tự (thuộc ô ký hiệu PX-03,PX-04 theo quy hoạch đô thị vệ tinh Phú Xuyên), huyện Thường Tín | 1/500 | Xã Văn Tự, huyện Thường Tín, Hà Nội | Thường Tín | 10,92 | UBND huyện Thường Tín | Quý IV/2021 | Quý II/2022 | | Công văn số 1169/UBND-QLĐT ngày 01/9/2021 của UBND huyện Thường Tín |
| 1.3.5 | Quy hoạch chi tiết khu vực trục không gian trung tâm bán đảo Quảng An | 1/500 | Phường Quảng An | Tây Hồ | 44,40 | UBND quận Tây Hồ | 2021 | 2022 | Đồ án đề xuất mới, thực hiện theo nội dung Văn bản số 8413/VP-ĐT ngày 10/8/2021 của Văn phòng UBND Thành phố Hà Nội | Công văn số 1594/UBND-QLĐT ngày 30/8/2021 của UBND quận Tây Hồ |
| 1.3.6 | Quy hoạch chi tiết thị trấn Văn Đình | 1/500 | Thị trấn Văn Đình | Ứng Hòa | 447,00 | UBND huyện Ứng Hòa | 2023 | 2025 | | Công văn số 1439/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Ứng Hòa |
| 1.3.7 | Quy hoạch chi tiết cải tạo chỉnh trang khu vực dân cư phường Tây Tư | 1/500 | Phường Tây Tư, quận Bắc Từ Liêm | Bắc Từ Liêm | 135,60 | UBND quận Bắc Từ Liêm | 2022 | 2023 | | Công văn số 2889/UBND-QLĐT ngày 16/9/2021 của UBND quận Bắc Từ Liêm |
| 1.3.8 | Quy hoạch chi tiết cải tạo chỉnh trang khu vực dân cư phường Thượng Cát | 1/500 | Phường Thượng Cát, quận Bắc Từ Liêm | Bắc Từ Liêm | 95,80 | UBND quận Bắc Từ Liêm | 2022 | 2023 | | Công văn số 2889/UBND-QLĐT ngày 16/9/2021 của UBND quận Bắc Từ Liêm |
| 1.3.9 | Quy hoạch chi tiết cải tạo chỉnh trang khu vực dân cư phường Thụy Phương | 1/500 | Phường Thụy Phương, quận Bắc Từ Liêm | Bắc Từ Liêm | 112,40 | UBND quận Bắc Từ Liêm | 2023 | 2024 | | Công văn số 2889/UBND-QLĐT ngày 16/9/2021 của UBND quận Bắc Từ Liêm |
| 1.3.10 | Quy hoạch chi tiết cải tạo chỉnh trang khu vực dân cư phường Xuân Đình | 1/500 | Phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm | Bắc Từ Liêm | 89,22 | UBND quận Bắc Từ Liêm | 2023 | 2024 | | Công văn số 2889/UBND-QLĐT ngày 16/9/2021 của UBND quận Bắc Từ Liêm |

| Stt (1) | Tên đồ án, quy chế,... (2) | Tỷ lệ (3) | Địa điểm (4) | | Quy mô (5) | Đơn vị tổ chức thực hiện (6) | Thời gian thực hiện | | Ghi chú (9) | Văn bản đề xuất của đơn vị (10) |
|------------|--|--------------|--|-------------|---------------|---------------------------------|---------------------|---------------------------|----------------|---|
| | | | Phường/xã | Quận/huyện | | | Bắt đầu (7) | Dự kiến hoàn thành (8) | | |
| I.3.11 | Quy hoạch chi tiết cải tạo chỉnh trang khu vực dân cư phường Xuân Tảo | 1/500 | Phường Xuân Tảo, quận Bắc Từ Liêm | Bắc Từ Liêm | 17,01 | UBND quận Bắc Từ Liêm | 2024 | 2025 | | Công văn số 2889/UBND-QLĐT ngày 16/9/2021 của UBND quận Bắc Từ Liêm |
| I.3.12 | Quy hoạch chi tiết cải tạo chỉnh trang khu vực dân cư phường Đông Ngạc | 1/500 | Phường Đông Ngạc, quận Bắc Từ Liêm | Bắc Từ Liêm | 82,25 | UBND quận Bắc Từ Liêm | 2024 | 2025 | | Công văn số 2889/UBND-QLĐT ngày 16/9/2021 của UBND quận Bắc Từ Liêm |
| I.3.13 | Quy hoạch chi tiết cải tạo chỉnh trang khu vực dân cư phường Đức Thắng | 1/500 | Phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm | Bắc Từ Liêm | 30,40 | UBND quận Bắc Từ Liêm | 2025 | 2026 | | Công văn số 2889/UBND-QLĐT ngày 16/9/2021 của UBND quận Bắc Từ Liêm |
| I.3.14 | Quy hoạch chi tiết cải tạo chỉnh trang khu vực dân cư phường Liên Mạc | 1/500 | Phường Liên Mạc, quận Bắc Từ Liêm | Bắc Từ Liêm | 119,40 | UBND quận Bắc Từ Liêm | 2025 | 2026 | | Công văn số 2889/UBND-QLĐT ngày 16/9/2021 của UBND quận Bắc Từ Liêm |
| I.3.15 | Quy hoạch chi tiết cải tạo chỉnh trang khu dân cư phường Vĩnh Phúc, Liễu Giai, (ô quy hoạch A AHPK H1-2) | 1/500 | Phường Vĩnh Phúc, một phần diện tích Liễu Giai khu vực 13 Làng Trại xưa thuộc quận | Ba Đình | 75,11 | UBND quận Ba Đình | 2024 | | | Công văn số 1862/UBND-QLĐT ngày 30/8/2021 của UBND quận Ba Đình |
| I.3.16 | Quy hoạch chi tiết cải tạo chỉnh trang khu dân cư phường Công Vị (ô quy hoạch B Quy hoạch phân khu H1-2) | 1/500 | Phường Công Vị | Ba Đình | 48,64 | UBND quận Ba Đình | 2023 | | | Công văn số 1862/UBND-QLĐT ngày 30/8/2021 của UBND quận Ba Đình |
| I.3.17 | Quy hoạch chi tiết cải tạo chỉnh trang khu dân cư phường Ngọc Khánh (ô quy hoạch C2 Quy hoạch phân khu H1-2) | 1/500 | Phường Ngọc Khánh | Ba Đình | 16,90 | UBND quận Ba Đình | 2023 | | | Công văn số 1862/UBND-QLĐT ngày 30/8/2021 của UBND quận Ba Đình |
| I.3.18 | Quy hoạch chi tiết cải tạo chỉnh trang khu dân cư phường Liễu Giai, Ngọc Hà, (ô quy hoạch D Quy hoạch phân khu H1-2) | 1/500 | Một phần diện tích phường Liễu Giai và Ngọc Hà | Ba Đình | 47,94 | UBND quận Ba Đình | 2024 | | | Công văn số 1862/UBND-QLĐT ngày 30/8/2021 của UBND quận Ba Đình |
| I.3.19 | Quy hoạch chi tiết cải tạo chỉnh trang khu dân cư phường Đội Cấn, Ngọc Hà, (ô quy hoạch E Quy hoạch phân khu H1-2) | 1/500 | Phường Đội Cấn, một phần diện tích Ngọc Hà | Ba Đình | 79,52 | UBND quận Ba Đình | 2024 | | | Công văn số 1862/UBND-QLĐT ngày 30/8/2021 của UBND quận Ba Đình |

| Stt (1) | Tên đồ án, quy chế,... (2) | Tỷ lệ (3) | Địa điểm (4) | | Quy mô (5) | Đơn vị tổ chức thực hiện (6) | Thời gian thực hiện | | Ghi chú (9) | Văn bản đề xuất của đơn vị (10) |
|------------|--|--------------|--------------------------------------|------------|---------------|---------------------------------|---------------------|---------------------------|---|---|
| | | | Phường/xã | Quận/huyện | | | Bắt đầu (7) | Dự kiến hoàn thành (8) | | |
| 1.3.20 | Quy hoạch chi tiết cải tạo chỉnh trang khu dân cư phường Kim Mã, (ô quy hoạch F Quy hoạch phân khu H1-2) | 1/500 | Phường Kim Mã | Ba Đình | 36,99 | UBND quận Ba Đình | 2024 | | | Công văn số 1862/UBND-QLĐT ngày 30/8/2021 của UBND quận Ba Đình |
| 1.3.21 | Quy hoạch chi tiết cải tạo chỉnh trang khu dân cư phường Giảng Võ, (ô quy hoạch G Quy hoạch phân khu H1-2) | 1/500 | Một phần diện tích phường Giảng Võ | Ba Đình | 15,03 | UBND quận Ba Đình | 2024 | | | Công văn số 1862/UBND-QLĐT ngày 30/8/2021 của UBND quận Ba Đình |
| 1.3.22 | Quy hoạch chi tiết cải tạo chỉnh trang khu dân cư phường Thành Công, (ô quy hoạch H Quy hoạch phân khu H1-2) | 1/500 | Một phần diện tích phường Thành Công | Ba Đình | 16,05 | UBND quận Ba Đình | 2024 | | | Công văn số 1862/UBND-QLĐT ngày 30/8/2021 của UBND quận Ba Đình |
| 1.3.23 | Quy hoạch chi tiết cải tạo chỉnh trang khu vực dân cư phường Yên Hòa | 1/500 | Yên Hòa | Cầu Giấy | 50,00 | UBND quận Cầu Giấy | 2022 | 2025 | Quy mô lập QHCT khoảng 50ha | Công văn số 1150/UBND-QLĐT ngày 23/9/2021 của UBND quận Cầu Giấy |
| 1.3.24 | Quy hoạch chi tiết cải tạo chỉnh trang khu vực dân cư phường Trung Hòa | 1/500 | Trung Hòa | Cầu Giấy | 70,00 | UBND quận Cầu Giấy | 2022 | 2025 | Quy mô lập QHCT khoảng 70ha | Công văn số 1150/UBND-QLĐT ngày 23/9/2021 của UBND quận Cầu Giấy |
| 1.3.25 | Quy hoạch chi tiết cải tạo chỉnh trang khu vực dân cư phường Mai Dịch | 1/500 | Nghĩa Đô | Cầu Giấy | 52,00 | UBND quận Cầu Giấy | 2022 | 2025 | Quy mô lập QHCT khoảng 52ha | Công văn số 1150/UBND-QLĐT ngày 23/9/2021 của UBND quận Cầu Giấy |
| 1.3.26 | Quy hoạch chi tiết cải tạo chỉnh trang khu vực dân cư phường Nghĩa Đô | 1/500 | Mai Dịch | Cầu Giấy | 120,00 | UBND quận Cầu Giấy | 2022 | 2025 | Quy mô lập QHCT khoảng 120ha | Công văn số 1150/UBND-QLĐT ngày 23/9/2021 của UBND quận Cầu Giấy |
| 1.3.27 | Quy hoạch chi tiết cải tạo chỉnh trang khu vực dân cư phường Nghĩa Tân | 1/500 | Nghĩa Tân | Cầu Giấy | 24,00 | UBND quận Cầu Giấy | 2022 | 2025 | Quy mô lập QHCT khoảng 24ha | Công văn số 1150/UBND-QLĐT ngày 23/9/2021 của UBND quận Cầu Giấy |
| 1.3.28 | Quy hoạch chi tiết Khu công viên vui chơi giải trí Tân Hội-Tân Lập tỷ lệ 1/500 | 1/500 | Xã Tân Hội, Tân Lập | Đan Phượng | 95,00 | UBND huyện Đan Phượng | Quý II/2022 | Quý II/2023 | Thuộc phân khu đô thị GS tỷ lệ 1/5000 đã được phê duyệt; Ký hiệu X2 (bản vẽ xác định vị trí kèm theo) | Công văn số 1828/UBND-QLĐT ngày 17/9/2021 của UBND huyện Đan Phượng |
| 1.3.29 | Quy hoạch chi tiết Khu đô thị thuộc ô A-6 tỷ lệ 1/500 | 1/500 | Xã Tân Hội, Hạ Mỗ | Đan Phượng | 75,00 | UBND huyện Đan Phượng | Quý II/2022 | Quý II/2023 | Thuộc phân khu đô thị S1 tỷ lệ 1/5000 đã được phê duyệt; Ký hiệu X3 (bản vẽ xác định vị trí kèm theo) | Công văn số 1828/UBND-QLĐT ngày 17/9/2021 của UBND huyện Đan Phượng |
| 1.3.30 | Quy hoạch chi tiết Khu đô thị thuộc ô A-3, A-7 tỷ lệ 1/500 | 1/500 | Xã Tân Hội, Liên Hà | Đan Phượng | 130,00 | UBND huyện Đan Phượng | Quý II/2022 | Quý II/2023 | Thuộc phân khu đô thị S1 tỷ lệ 1/5000 đã được phê duyệt; Ký hiệu X4 (bản vẽ xác định vị trí kèm theo) | Công văn số 1828/UBND-QLĐT ngày 17/9/2021 của UBND huyện Đan Phượng |

| Stt (1) | Tên đồ án, quy chế,... (2) | Tỷ lệ (3) | Địa điểm (4) | | Quy mô (5) | Đơn vị tổ chức thực hiện (6) | Thời gian thực hiện | | Ghi chú (9) | Văn bản đề xuất của đơn vị (10) |
|------------|--|--------------|-------------------------|------------|---------------|------------------------------------|---------------------|------------------------------|--|---|
| | | | Phường/xã | Quận/huyện | | | Bắt đầu (7) | Dự kiến hoàn thành (8) | | |
| I.3.31 | Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Phúc Thọ, xã Mai Lâm và thôn Đông Trù xã Đông Hội | 1/500 | xã Mai Lâm, xã Đông Hội | Đông Anh | 31,79 | UBND huyện Đông Anh | 2022 | 2022 | | Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh |
| I.3.32 | Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư các thôn: Yên Hà, Hải Bối, xã Hải Bối | 1/500 | xã Hải Bối | Đông Anh | 96,58 | UBND huyện Đông Anh | 2022 | 2022 | | Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh |
| I.3.33 | Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Đại Bảng, xã Nguyên Khê | 1/500 | xã Nguyên Khê | Đông Anh | 13,90 | UBND huyện Đông Anh | 2022 | 2022 | Đề nghị tách rãnh khỏi ranh giới dự án khu đô thị phía Nam sân bay Nội Bài | Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh |
| I.3.34 | Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Sơn Du, xã Nguyên Khê | 1/500 | xã Nguyên Khê | Đông Anh | 35,92 | UBND huyện Đông Anh | 2022 | 2022 | | Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh |
| I.3.35 | Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư các thôn: Quan Âm, Thụy Hà, Bền Trung, Phù Liên, xã Bắc Hồng | 1/500 | xã Bắc Hồng | Đông Anh | 169,01 | UBND huyện Đông Anh | 2022 | 2022 | Cần rà soát ranh giới nghiên cứu bao gồm cả các phần đất bổ sung HTXH, HƯKT cấp đơn vị ở | Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh |
| I.3.36 | Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư các thôn: Lực Canh, Văn Tinh xã Xuân Canh (khu vực ngoài đê) | 1/500 | xã Xuân Canh | Đông Anh | 22,05 | UBND huyện Đông Anh | 2022 | 2022 | | Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh |
| I.3.37 | Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Đông Nhân, xã Hải Bối, huyện Đông Anh | 1/500 | xã Hải Bối | Đông Anh | 13,33 | UBND huyện Đông Anh | 2022 | 2022 | Đề nghị tách rãnh khỏi ranh giới lập QHCT khu vực Thành phố Thông Minh | Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh |
| I.3.38 | Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Lê Pháp xã Tiên Dương | 1/500 | xã Tiên Dương | Đông Anh | 28,43 | UBND huyện Đông Anh | | 2022 | Đã thẩm định, đang xin ý kiến Sở QHKT | Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh |
| I.3.39 | Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Cổ Dương xã Tiên Dương | 1/500 | xã Tiên Dương | Đông Anh | 38,4 | UBND huyện Đông Anh | | 2022 | Đã thẩm định, đang xin ý kiến Sở QHKT | Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh |
| I.3.40 | Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Trung Oai, thôn Tiên Kha xã Tiên Dương | 1/500 | xã Tiên Dương | Đông Anh | 84,26 | UBND huyện Đông Anh | | 2022 | Đã thẩm định, đang xin ý kiến Sở QHKT | Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh |
| I.3.41 | Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Đán Di, xã Uy Nỗ | 1/500 | xã Uy Nỗ | Đông Anh | 13,7 | UBND huyện Đông Anh | | 2022 | Đã thẩm định, đang xin ý kiến Sở QHKT | Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh |

| Stt (1) | Tên đồ án, quy chế,... (2) | Tỷ lệ (3) | Địa điểm (4) | | Quy mô (5) | Đơn vị tổ chức thực hiện (6) | Thời gian thực hiện | | Ghi chú (9) | Văn bản đề xuất của đơn vị (10) |
|------------|---|--------------|---------------|------------|---------------|---------------------------------|---------------------|---------------------------|---|---|
| | | | Phường/xã | Quận/huyện | | | Bắt đầu (7) | Dự kiến hoàn thành (8) | | |
| I.3.42 | Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Đái Bi, xã Uy Nỗ | 1/500 | xã Uy Nỗ | Đông Anh | 15,93 | UBND huyện Đông Anh | | 2022 | Đã thẩm định, đang xin ý kiến Sở QHKT | Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh |
| I.3.43 | Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Ấp Tô, xã Uy Nỗ | 1/500 | xã Uy Nỗ | Đông Anh | 6,84 | UBND huyện Đông Anh | | 2022 | Đã thẩm định, đang xin ý kiến Sở QHKT | Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh |
| I.3.44 | Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Cán Khê, thôn Tiên Hùng, xã Nguyễn Khê | 1/500 | xã Nguyễn Khê | Đông Anh | 104,13 | UBND huyện Đông Anh | | 2022 | Đã thẩm định, đang xin ý kiến Sở QHKT | Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh |
| I.3.45 | Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Nguyễn Khê, xóm Đường Thôn Khê Nữ, xã Nguyễn Khê | 1/500 | xã Nguyễn Khê | Đông Anh | 57,27 | UBND huyện Đông Anh | | 2022 | Đã thẩm định, đang xin ý kiến Sở QHKT | Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh |
| I.3.46 | Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Khê Nữ, xã Nguyễn Khê | 1/500 | xã Nguyễn Khê | Đông Anh | 44,82 | UBND huyện Đông Anh | | 2022 | Đã thẩm định, đang xin ý kiến Sở QHKT | Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh |
| I.3.47 | Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Đoài, xã Nam Hồng | 1/500 | xã Nam Hồng | Đông Anh | 35,55 | UBND huyện Đông Anh | | 2022 | Đã thẩm định, đang xin ý kiến Sở QHKT | Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh |
| I.3.48 | Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Tăng Mỹ, xã Nam Hồng | 1/500 | xã Nam Hồng | Đông Anh | 65,17 | UBND huyện Đông Anh | | 2022 | Đã thẩm định, đang xin ý kiến Sở QHKT | Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh |
| I.3.49 | Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Tuấn Lễ xã Tiên Dương | 1/500 | xã Tiên Dương | Đông Anh | 11,36 | UBND huyện Đông Anh | | 2022 | Đã lấy ý kiến cộng đồng dân cư và Hội đồng thẩm định Huyện, đang hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định | Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh |
| I.3.50 | Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Lương Nỗ, xã Tiên Dương | 1/500 | xã Tiên Dương | Đông Anh | 43,2 | UBND huyện Đông Anh | | 2022 | Đã lấy ý kiến cộng đồng dân cư và Hội đồng thẩm định Huyện, đang hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định | Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh |
| I.3.51 | Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Kinh Nỗ, xã Uy Nỗ | 1/500 | xã Uy Nỗ | Đông Anh | 27,71 | UBND huyện Đông Anh | | 2022 | Đã lấy ý kiến cộng đồng dân cư và Hội đồng thẩm định Huyện, đang hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định | Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh |
| I.3.52 | Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Nghĩa Lại, xã Uy Nỗ | 1/500 | xã Uy Nỗ | Đông Anh | 17,07 | UBND huyện Đông Anh | | 2022 | Đã lấy ý kiến cộng đồng dân cư và Hội đồng thẩm định Huyện, đang hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định | Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh |
| I.3.53 | Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Thượng, thôn Trong, thôn Ngoài, thôn Hậu và thôn Chợ, xã Uy Nỗ | 1/500 | xã Uy Nỗ | Đông Anh | 70,35 | UBND huyện Đông Anh | | 2022 | Đã lấy ý kiến cộng đồng dân cư và Hội đồng thẩm định Huyện, đang hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định | Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh |

| Stt (1) | Tên đồ án, quy chế,... (2) | Tỷ lệ (3) | Địa điểm (4) | | Quy mô (5) | Đơn vị tổ chức thực hiện (6) | Thời gian thực hiện | | Ghi chú (9) | Văn bản đề xuất của đơn vị (10) |
|------------|---|--------------|--------------|------------|---------------|---------------------------------|---------------------|---------------------------|---|---|
| | | | Phường/xã | Quận/huyện | | | Bắt đầu (7) | Dự kiến hoàn thành (8) | | |
| I.3.54 | Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Phúc Lộc, xã Uy Nỗ | 1/500 | xã Uy Nỗ | Đông Anh | 8,58 | UBND huyện Đông Anh | | 2022 | Đã lấy ý kiến công đồng dân cư và Hội đồng thẩm định Huyện, đang hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định | Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh |
| I.3.55 | Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Thọ Đa, xã Kim Nỗ | 1/500 | xã Kim Nỗ | Đông Anh | 40,08 | UBND huyện Đông Anh | | 2022 | Đã lấy ý kiến công đồng dân cư và Hội đồng thẩm định Huyện, đang hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định | Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh |
| I.3.56 | Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư các thôn: Bắc, Đoài, Đông, xã Kim Nỗ | 1/500 | xã Kim Nỗ | Đông Anh | 91,74 | UBND huyện Đông Anh | | 2022 | Đã lấy ý kiến công đồng dân cư và Hội đồng thẩm định Huyện, đang hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định | Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh |
| I.3.57 | Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Vạn Lộc, Văn Thượng, xã Xuân Canh | 1/500 | xã Xuân Canh | Đông Anh | 50,93 | UBND huyện Đông Anh | | 2022 | Đã lấy ý kiến công đồng dân cư và Hội đồng thẩm định Huyện, đang hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định | Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh |
| I.3.58 | Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Đào Thục, xã Thụy Lâm | 1/500 | xã Thụy Lâm | Đông Anh | 29,03 | UBND huyện Đông Anh | | 2022 | Đã lấy ý kiến công đồng dân cư và Hội đồng thẩm định Huyện, đang hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định | Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh |
| I.3.59 | Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Cổ Miếu, xã Thụy Lâm | 1/500 | xã Thụy Lâm | Đông Anh | 24,55 | UBND huyện Đông Anh | | 2022 | Đã lấy ý kiến công đồng dân cư và Hội đồng thẩm định Huyện, đang hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định | Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh |
| I.3.60 | Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Cầu Cà, xã Cổ Loa | 1/500 | xã Cổ Loa | Đông Anh | 14,77 | UBND huyện Đông Anh | | 2022 | Đã lấy ý kiến công đồng dân cư và Hội đồng thẩm định Huyện, đang hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định | Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh |
| I.3.61 | Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư xã Văn Nội | 1/500 | xã Văn Nội | Đông Anh | 107,44 | UBND huyện Đông Anh | | 2022 | Đã lấy ý kiến công đồng dân cư và Hội đồng thẩm định Huyện, đang hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định | Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh |
| I.3.62 | Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư các thôn: Lương Quán, Gia Lộc, xã Việt Hùng | 1/500 | xã Việt Hùng | Đông Anh | 47,79 | UBND huyện Đông Anh | | 2022 | Đã lấy ý kiến công đồng dân cư và Hội đồng thẩm định Huyện, đang hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định | Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh |
| I.3.63 | Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư các thôn: Đoài, Trung, Đông xã Việt Hùng | 1/500 | xã Việt Hùng | Đông Anh | 98,14 | UBND huyện Đông Anh | | 2022 | Đã lấy ý kiến công đồng dân cư và Hội đồng thẩm định Huyện, đang hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định | Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh |
| I.3.64 | Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Lỗ Giao, xã Việt Hùng | 1/500 | xã Việt Hùng | Đông Anh | 32,74 | UBND huyện Đông Anh | | 2022 | Đã lấy ý kiến công đồng dân cư và Hội đồng thẩm định Huyện, đang hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định | Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh |
| I.3.65 | Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Mạch Lũng, xã Đại Mạch, | 1/500 | xã Đại Mạch | Đông Anh | 66,4 | UBND huyện Đông Anh | | 2022 | Đã lấy ý kiến công đồng dân cư và Hội đồng thẩm định Huyện, đang hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định | Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh |

| Stt (1) | Tên đồ án, quy chế,... (2) | Tỷ lệ (3) | Địa điểm (4) | | Quy mô (5) | Đơn vị tổ chức thực hiện (6) | Thời gian thực hiện | | Ghi chú (9) | Văn bản đề xuất của đơn vị (10) |
|------------|--|--------------|--------------|------------|---------------|---------------------------------|---------------------|---------------------------|---|---|
| | | | Phường/xã | Quận/huyện | | | Bắt đầu (7) | Dự kiến hoàn thành (8) | | |
| 1.3.66 | Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Đại Đông và thôn Mai Châu, xã Đại Mạch | 1/500 | xã Đại Mạch | Đông Anh | 90,7 | UBND huyện Đông Anh | | 2022 | Đã lấy ý kiến cộng đồng dân cư và Hội đồng thẩm định Huyện, đang hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định | Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh |
| 1.3.67 | Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư các thôn Đại Độ, Sáp Mai xã Võng La | 1/500 | xã Võng La | Đông Anh | 81,7 | UBND huyện Đông Anh | | 2022 | Đã lấy ý kiến cộng đồng dân cư và Hội đồng thẩm định Huyện, đang hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định | Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh |
| 1.3.68 | Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Xuân Nộn, xã Xuân Nộn | 1/500 | xã Xuân Nộn | Đông Anh | 51 | UBND huyện Đông Anh | | 2022 | Đã lấy ý kiến cộng đồng dân cư và Hội đồng thẩm định Huyện, đang hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định | Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh |
| 1.3.69 | Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Đường Nhân, xã Xuân Nộn | 1/500 | xã Xuân Nộn | Đông Anh | 33,7 | UBND huyện Đông Anh | | 2022 | Đã lấy ý kiến cộng đồng dân cư và Hội đồng thẩm định Huyện, đang hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định | Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh |
| 1.3.70 | Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Kim Tiên, xã Xuân Nộn | 1/500 | xã Xuân Nộn | Đông Anh | 33 | UBND huyện Đông Anh | | 2022 | Đã lấy ý kiến cộng đồng dân cư và Hội đồng thẩm định Huyện, đang hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định | Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh |
| 1.3.71 | Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Đình Trung, xã Xuân Nộn | 1/500 | xã Xuân Nộn | Đông Anh | 56,9 | UBND huyện Đông Anh | | 2022 | Đã lấy ý kiến cộng đồng dân cư và Hội đồng thẩm định Huyện, đang hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định | Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh |
| 1.3.72 | Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Lương Quy, xã Xuân Nộn | 1/500 | xã Xuân Nộn | Đông Anh | 73,2 | UBND huyện Đông Anh | | 2022 | Đã lấy ý kiến cộng đồng dân cư và Hội đồng thẩm định Huyện, đang hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định | Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh |
| 1.3.73 | Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư các thôn: Du Nội, Du Ngoại, xã Mai Lâm | 1/500 | xã Mai Lâm | Đông Anh | 30,22 | UBND huyện Đông Anh | | 2022 | Đã lấy ý kiến cộng đồng dân cư và Hội đồng thẩm định Huyện, đang hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định | Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh |
| 1.3.74 | Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư các thôn: Vệ, Địa xã Nam Hồng, | 1/500 | xã Nam Hồng | Đông Anh | 106,7 | UBND huyện Đông Anh | | 2022 | Đã lấy ý kiến cộng đồng dân cư và Hội đồng thẩm định Huyện, đang hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định | Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh |
| 1.3.75 | Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư các thôn: Phúc Hậu (1,2), Dục Tú (1,2,3) xã Dục Tú | 1/500 | Dục Tú | Đông Anh | 87 | UBND huyện Đông Anh | | 2022 | Đã lấy ý kiến cộng đồng dân cư và Hội đồng thẩm định Huyện, đang hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định | Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh |
| 1.3.76 | Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Nghĩa Vũ, xã Dục Tú | 1/500 | Dục Tú | Đông Anh | 12,8 | UBND huyện Đông Anh | | 2022 | Đã lấy ý kiến cộng đồng dân cư và Hội đồng thẩm định Huyện, đang hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định | Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh |
| 1.3.77 | Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Lý Nhân, xã Dục Tú | 1/500 | Dục Tú | Đông Anh | 34 | UBND huyện Đông Anh | | 2022 | Đã lấy ý kiến cộng đồng dân cư và Hội đồng thẩm định Huyện, đang hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định | Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh |

| Stt (1) | Tên đồ án, quy chế,... (2) | Tỷ lệ (3) | Địa điểm (4) | | Quy mô (5) | Đơn vị tổ chức thực hiện (6) | Thời gian thực hiện | | Chi chú (9) | Văn bản đề xuất của đơn vị (10) |
|------------|---|--------------|-------------------|------------|---------------|------------------------------------|---------------------|------------------------------|--|---|
| | | | Phường/xã | Quận/huyện | | | Bắt đầu (7) | Dự kiến hoàn thành (8) | | |
| I.3.78 | Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Đồng Dâu, xã Dục Tú | 1/500 | Dục Tú | Đông Anh | 17,5 | UBND huyện Đông Anh | | 2022 | Đã lấy ý kiến công đồng dân cư và Hội đồng thẩm định Huyện, đang hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định | Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh |
| I.3.79 | Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thuộc ô quy hoạch V.3.2 phân khu đô thị N5, Thị trấn Đông Anh | 1/500 | Thị trấn Đông Anh | Đông Anh | 11,22 | UBND huyện Đông Anh | | 2022 | Đã lấy ý kiến công đồng dân cư và Hội đồng thẩm định Huyện, đang hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định | Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh |
| I.3.80 | Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thuộc ô quy hoạch V.2.7 phân khu đô thị N5, Thị trấn Đông Anh | 1/500 | Thị trấn Đông Anh | Đông Anh | 33,27 | UBND huyện Đông Anh | | 2022 | Đã lấy ý kiến công đồng dân cư và Hội đồng thẩm định Huyện, đang hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định | Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh |
| I.3.81 | Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thuộc ô quy hoạch V.3.3 phân khu đô thị N5, Thị trấn Đông Anh | 1/500 | Thị trấn Đông Anh | Đông Anh | 7,16 | UBND huyện Đông Anh | | 2022 | Đã lấy ý kiến công đồng dân cư và Hội đồng thẩm định Huyện, đang hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định | Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh |
| I.3.82 | Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư dân cư thuộc ô quy hoạch A5 phân khu đô thị N6, Thị trấn Đông Anh | 1/500 | Thị trấn Đông Anh | Đông Anh | 19,77 | UBND huyện Đông Anh | | 2022 | Đã lấy ý kiến công đồng dân cư và Hội đồng thẩm định Huyện, đang hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định | Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh |
| I.3.83 | Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Mỹ Nội, xã Bắc Hồng | 1/500 | Bắc Hồng | Đông Anh | 26,57 | UBND huyện Đông Anh | | 2022 | Đã lấy ý kiến công đồng dân cư và Hội đồng thẩm định Huyện, đang hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định | Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh |
| I.3.84 | Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Thượng Phúc, xã Bắc Hồng | 1/500 | Bắc Hồng | Đông Anh | 30,2 | UBND huyện Đông Anh | | 2022 | Đã lấy ý kiến công đồng dân cư và Hội đồng thẩm định Huyện, đang hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định | Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh |
| I.3.85 | Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Cổ Điền, xã Hải Bối | 1/500 | xã Hải Bối | Đông Anh | 101,85 | UBND huyện Đông Anh | | 2022 | Đã lấy ý kiến công đồng dân cư và Hội đồng thẩm định Huyện, đang hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định | Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh |
| I.3.86 | Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Hội Phú, xã Đông Hội | 1/500 | xã Đông Hội | Đông Anh | 45,63 | UBND huyện Đông Anh | | 2023 | Đã BC HĐĐT, đang rà soát, tổng hợp các nội dung. Dự kiến tạm dừng để thực hiện điều chỉnh cục bộ QHPK | Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh |
| I.3.87 | Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Lê Xá, xã Mai Lâm | 1/500 | xã Mai Lâm | Đông Anh | 22,77 | UBND huyện Đông Anh | | 2023 | Đã báo cáo công đồng dân cư và Hội đồng thẩm định Huyện, đang rà soát, tổng hợp các nội dung. Dự kiến tạm dừng để thực hiện điều chỉnh cục bộ QHPK | Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh |

| Stt (1) | Tên đồ án, quy chế,... (2) | Tỷ lệ (3) | Địa điểm (4) | | Quy mô (5) | Đơn vị tổ chức thực hiện (6) | Thời gian thực hiện | | Ghi chú (9) | Văn bản đề xuất của đơn vị (10) |
|------------|--|--------------|--------------|------------|---------------|---------------------------------|---------------------|---------------------------|--|---|
| | | | Phường/xã | Quận/huyện | | | Bắt đầu (7) | Dự kiến hoàn thành (8) | | |
| I.3.88 | Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Thái Bình, Mai Hiền, xã Mai Lâm | 1/500 | xã Mai Lâm | Đông Anh | 62,41 | UBND huyện Đông Anh | | 2023 | Đã báo cáo cộng đồng dân cư và Hội đồng thẩm định Huyện, đang rà soát, tổng hợp các nội dung. Dự kiến tạm dừng để thực hiện điều chỉnh cục bộ QHPK | Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh |
| I.3.89 | Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Lộc Hà, xã Mai Lâm | 1/500 | xã Mai Lâm | Đông Anh | 46,26 | UBND huyện Đông Anh | | 2023 | Đã báo cáo cộng đồng dân cư và Hội đồng thẩm định Huyện, đang rà soát, tổng hợp các nội dung. Dự kiến tạm dừng để thực hiện điều chỉnh cục bộ QHPK | Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh |
| I.3.90 | Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Tiên Hội, xã Đông Hội | 1/500 | xã Đông Hội | Đông Anh | 27,1 | UBND huyện Đông Anh | | 2022 | Đã phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch | Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh |
| I.3.91 | Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Trung Thôn, xã Đông Hội | 1/500 | xã Đông Hội | Đông Anh | 52,34 | UBND huyện Đông Anh | | 2022 | Đã phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch | Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh |
| I.3.92 | Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Đông Trù, xã Đông Hội | 1/500 | xã Đông Hội | Đông Anh | 26,84 | UBND huyện Đông Anh | | 2022 | Đã phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch | Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh |
| I.3.93 | Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Xuân Trạch, xã Xuân Canh | 1/500 | xã Xuân Canh | Đông Anh | 67,4 | UBND huyện Đông Anh | | 2022 | Đã phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch | Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh |
| I.3.94 | Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư các thôn: Xuân Canh, Văn Tinh, Lược Canh, xã Xuân Canh | 1/500 | xã Xuân Canh | Đông Anh | 69,36 | UBND huyện Đông Anh | | 2022 | Đã phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch | Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh |
| I.3.95 | Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Đông Ngàn, xã Đông Hội | 1/500 | xã Đông Hội | Đông Anh | 23,05 | UBND huyện Đông Anh | | 2022 | Chưa thực hiện do Quy hoạch nằm trong ranh giới QHPK đô thị sông Đuống | Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh |
| I.3.96 | Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Phúc Thọ, xã Mai Lâm | 1/500 | xã Mai Lâm | Đông Anh | 24 | UBND huyện Đông Anh | | 2022 | Chưa thực hiện do Quy hoạch nằm trong ranh giới QHPK đô thị sông Đuống | Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh |
| I.3.97 | Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Võng La, xã Võng La | 1/500 | xã Võng La | Đông Anh | 20,31 | UBND huyện Đông Anh | | 2022 | Chưa thực hiện do Quy hoạch nằm trong ranh giới QHPK đô thị sông Hồng | Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh |
| I.3.98 | Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư các thôn: Yên Hà, Hải Bối, xã Hải Bối | 1/500 | xã Hải Bối | Đông Anh | 92,6 | UBND huyện Đông Anh | | 2022 | Chưa thực hiện do Quy hoạch nằm trong ranh giới QHPK đô thị sông Hồng | Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh |
| I.3.99 | Quy hoạch chi tiết công viên Đồng Đa | 1/500 | quận Đống Đa | Đống Đa | 6,50 | UBND quận Đống Đa | 2021 | 2023 | Xem xét, đánh giá thêm trước khi triển khai thực hiện | Công văn số 1625/UBND-QLĐT ngày 25/8/2021 của UBND quận Đống Đa |

| Stt (1) | Tên đồ án, quy chế,... (2) | Tỷ lệ (3) | Địa điểm (4) | | Quy mô (5) | Đơn vị tổ chức thực hiện (6) | Thời gian thực hiện | | Ghi chú (9) | Văn bản đề xuất của đơn vị (10) |
|------------|--|--------------|--------------------------------------|------------|---------------|------------------------------------|---------------------|------------------------------|---|--|
| | | | Phường/xã | Quận/huyện | | | Bắt đầu (7) | Dự kiến hoàn thành (8) | | |
| I.3.100 | Đồ án Quy hoạch chi tiết khu chức năng đô thị Trâu Quỳ, tỷ lệ 1/500 | 1/500 | TT Trâu Quỳ | Gia Lâm | 55,00 | UBND huyện | 2021 | 2025 | | Công văn số 2889/UBND-QLĐT ngày 14/9/2021 của UBND huyện Gia Lâm |
| I.3.101 | Đồ án Quy hoạch chi tiết khu chức năng đô thị Yên Thương, Ninh Hiệp, Đình Xuyên, tỷ lệ 1/500 | 1/500 | Xã Yên Thương, Ninh Hiệp, Đình Xuyên | Gia Lâm | 49,00 | UBND huyện | 2021 | 2025 | | Công văn số 2889/UBND-QLĐT ngày 14/9/2021 của UBND huyện Gia Lâm |
| I.3.102 | Đồ án Quy hoạch chi tiết khu chức năng đô thị Đầm Cầu Vùa, xã Đa Tốn, tỷ lệ 1/500 | 1/500 | Xã Đa Tốn | Gia Lâm | 95,00 | UBND huyện | 2021 | 2025 | | Công văn số 2889/UBND-QLĐT ngày 14/9/2021 của UBND huyện Gia Lâm |
| I.3.103 | Quy hoạch chi tiết khu công viên, cây xanh phía trước UBND Huyện, tỷ lệ 1/500 | 1/500 | TT Trâu Quỳ | Gia Lâm | 13,00 | UBND huyện | 2021 | 2023 | Huyện đề xuất lập TMB, tuy nhiên quy mô 13ha phải lập QHCT để phù hợp với quy định. | Công văn số 2889/UBND-QLĐT ngày 14/9/2021 của UBND huyện Gia Lâm |
| I.3.104 | Giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất theo quy hoạch để xây dựng công trình phục vụ cộng đồng dân cư và chỉnh trang khu dân cư đô thị tại Ô đất C.2.1, xã Đông Dư, huyện Gia Lâm | 1/500 | Xã Đông Dư | Gia Lâm | 20,00 | UBND huyện | 2021 | 2023 | | Công văn số 2889/UBND-QLĐT ngày 14/9/2021 của UBND huyện Gia Lâm |
| I.3.105 | Xây dựng vườn hoa, sân chơi thuộc ô quy hoạch 6-1 phần khu đô thị N9, xã Đình Xuyên, xã Dương Hà, huyện Gia Lâm | 1/500 | Xã Dương Hà | Gia Lâm | 6,00 | UBND huyện | 2021 | 2023 | | Công văn số 2889/UBND-QLĐT ngày 14/9/2021 của UBND huyện Gia Lâm |
| I.3.106 | GPMB, xây dựng HTKT khung tạo quỹ đất sạch phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất tại khu X1, xã Yên Thương, huyện Gia Lâm | 1/500 | Xã Yên Thương | Gia Lâm | 15,00 | UBND huyện | 2021 | 2023 | | Công văn số 2889/UBND-QLĐT ngày 14/9/2021 của UBND huyện Gia Lâm |
| I.3.107 | GPMB, xây dựng HTKT khung tạo quỹ đất sạch phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất tại khu X2, xã Yên Thương, huyện Gia Lâm | 1/500 | Xã Yên Thương | Gia Lâm | 8,00 | UBND huyện | 2021 | 2023 | | Công văn số 2889/UBND-QLĐT ngày 14/9/2021 của UBND huyện Gia Lâm |

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Điện thoại: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.com

| Stt (1) | Tên đồ án, quy chế,... (2) | Tỷ lệ (3) | Địa điểm (4) | | Quy mô (5) | Đơn vị tổ chức thực hiện (6) | Thời gian thực hiện | | Ghi chú (9) | Văn bản đề xuất của đơn vị (10) |
|------------|--|--------------|-----------------------|------------|---------------|---------------------------------|---------------------|---------------------------|--|---|
| | | | Phường/xã | Quận/huyện | | | Bắt đầu (7) | Dự kiến hoàn thành (8) | | |
| I.3.108 | GPMB, xây dựng HTKT khung tạo quỹ đất sạch phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất tại khu X3, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm | 1/500 | Xã Yên Thường | Gia Lâm | 6,00 | UBND huyện | 2021 | 2023 | | Công văn số 2889/UBND-QLĐT ngày 14/9/2021 của UBND huyện Gia Lâm |
| I.3.109 | Giải phóng mặt bằng phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất để xây dựng khu dân cư đô thị mới và chỉnh trang đô thị tại khu đất C6, xã Yên Viên, huyện Gia Lâm | 1/500 | Xã Yên Viên | Gia Lâm | 6,00 | UBND huyện | 2021 | 2023 | | Công văn số 2889/UBND-QLĐT ngày 14/9/2021 của UBND huyện Gia Lâm |
| I.3.110 | Giải phóng mặt bằng phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất để xây dựng công trình phục vụ công đồng dân cư và chỉnh trang đô thị tại ô đất ký hiệu C3, C4, C5, xã Yên Viên, huyện Gia Lâm | 1/500 | Xã Yên Viên | Gia Lâm | 8,00 | UBND huyện | 2021 | 2023 | | Công văn số 2889/UBND-QLĐT ngày 14/9/2021 của UBND huyện Gia Lâm |
| I.3.111 | Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư phía Bắc quốc lộ 32, huyện Hoài Đức | 1/500 | Kim Chung, Đức Thượng | Hoài Đức | 231,90 | UBND huyện Hoài Đức | 2021 | 2025 | Đã đề xuất thực hiện tại văn bản số 3950/UBND-QLĐT ngày 26/6/2020 về việc rà soát kế hoạch lập các đồ án quy hoạch, thiết kế đô thị, quy chế quản lý, chỉ giới đường đỏ, hồ sơ cắm mốc thực hiện năm 2020 và giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Hoài Đức | Công văn số 2422/UBND-QLĐT ngày 14/9/2021 của UBND huyện Hoài Đức |
| I.3.112 | Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư xã Đức Thượng và vùng phụ cận | 1/500 | Đức Thượng | Hoài Đức | 106,10 | UBND huyện Hoài Đức | 2021 | 2025 | Đã đề xuất thực hiện tại văn bản số 3950/UBND-QLĐT ngày 26/6/2020 về việc rà soát kế hoạch lập các đồ án quy hoạch, thiết kế đô thị, quy chế quản lý, chỉ giới đường đỏ, hồ sơ cắm mốc thực hiện năm 2020 và giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Hoài Đức | Công văn số 2422/UBND-QLĐT ngày 14/9/2021 của UBND huyện Hoài Đức |

| Stt (1) | Tên đồ án, quy chế,... | Tỷ lệ (3) | Địa điểm (4) | | Quy mô (5) | Đơn vị tổ chức thực hiện (6) | Thời gian thực hiện | | Ghi chú (9) | Văn bản đề xuất của đơn vị (10) |
|------------|--|--------------|-------------------------------|------------|---------------|---------------------------------|---------------------|---------------------------|--|---|
| | | | Phường/xã | Quận/huyện | | | Bắt đầu (7) | Dự kiến hoàn thành (8) | | |
| I.3.113 | Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư xã Đức Giang, Đức Thượng và vùng phụ cận | 1/500 | Đức Giang, Đức Thượng | Hoài Đức | 141,10 | UBND huyện Hoài Đức | 2021 | 2025 | Đã đề xuất thực hiện tại văn bản số 3950/UBND-QLĐT ngày 26/6/2020 về việc rà soát kế hoạch lập các đồ án quy hoạch, thiết kế đô thị, quy chế quản lý, chỉ giới đường đỏ, hồ sơ cắm mốc thực hiện năm 2020 và giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Hoài Đức | Công văn số 2422/UBND-QLĐT ngày 14/9/2021 của UBND huyện Hoài Đức |
| I.3.114 | Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư xã Kim Chung, Di Trạch và vùng phụ cận | 1/500 | Kim Chung, Di Trạch, Sơn Đồng | Hoài Đức | 134,00 | UBND huyện Hoài Đức | 2021 | 2025 | Đã đề xuất thực hiện tại văn bản số 3950/UBND-QLĐT ngày 26/6/2020 về việc rà soát kế hoạch lập các đồ án quy hoạch, thiết kế đô thị, quy chế quản lý, chỉ giới đường đỏ, hồ sơ cắm mốc thực hiện năm 2020 và giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Hoài Đức | Công văn số 2422/UBND-QLĐT ngày 14/9/2021 của UBND huyện Hoài Đức |
| I.3.115 | Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư xã Sơn Đồng và vùng phụ cận | 1/500 | Sơn Đồng | Hoài Đức | 97,50 | UBND huyện Hoài Đức | 2021 | 2025 | Đã đề xuất thực hiện tại văn bản số 3950/UBND-QLĐT ngày 26/6/2020 về việc rà soát kế hoạch lập các đồ án quy hoạch, thiết kế đô thị, quy chế quản lý, chỉ giới đường đỏ, hồ sơ cắm mốc thực hiện năm 2020 và giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Hoài Đức | Công văn số 2422/UBND-QLĐT ngày 14/9/2021 của UBND huyện Hoài Đức |
| I.3.116 | Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư xã Lại Yên và vùng phụ cận | 1/500 | Lại Yên | Hoài Đức | 146,40 | UBND huyện Hoài Đức | 2021 | 2025 | Đã đề xuất thực hiện tại văn bản số 3950/UBND-QLĐT ngày 26/6/2020 về việc rà soát kế hoạch lập các đồ án quy hoạch, thiết kế đô thị, quy chế quản lý, chỉ giới đường đỏ, hồ sơ cắm mốc thực hiện năm 2020 và giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Hoài Đức | Công văn số 2422/UBND-QLĐT ngày 14/9/2021 của UBND huyện Hoài Đức |
| I.3.117 | Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư xã Song Phương và vùng phụ cận | 1/500 | Song Phương | Hoài Đức | 74,00 | UBND huyện Hoài Đức | 2021 | 2025 | Đã đề xuất thực hiện tại văn bản số 3950/UBND-QLĐT ngày 26/6/2020 về việc rà soát kế hoạch lập các đồ án quy hoạch, thiết kế đô thị, quy chế quản lý, chỉ giới đường đỏ, hồ sơ cắm mốc thực hiện năm 2020 và giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Hoài Đức | Công văn số 2422/UBND-QLĐT ngày 14/9/2021 của UBND huyện Hoài Đức |

| Stt (1) | Tên đồ án, quy chế.... (2) | Tỷ lệ (3) | Địa điểm (4) | | Quy mô (5) | Đơn vị tổ chức thực hiện (6) | Thời gian thực hiện | | Ghi chú (9) | Văn bản đề xuất của đơn vị (10) |
|------------|---|--------------|---------------------|------------|---------------|------------------------------------|---------------------|------------------------------|--|--|
| | | | Phường/xã | Quận/huyện | | | Bắt đầu (7) | Dự kiến hoàn thành (8) | | |
| 1.3.118 | Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư xã Vân Canh và vùng phụ cận | 1/500 | Vân Canh | Hoài Đức | 106,00 | UBND huyện Hoài Đức | 2021 | 2025 | Đã đề xuất thực hiện tại văn bản số 3950/UBND-QLĐT ngày 26/6/2020 về việc rà soát kế hoạch lập các đồ án quy hoạch, thiết kế đô thị, quy chế quản lý, chỉ giới đường đỏ, hồ sơ cắm mốc thực hiện năm 2020 và giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Hoài Đức | Công văn số 2422/UBND-QLĐT ngày 14/9/2021 của UBND huyện Hoài Đức |
| 1.3.119 | Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư xã An Thượng và vùng phụ cận | 1/500 | An Thượng | Hoài Đức | 171,60 | UBND huyện Hoài Đức | 2021 | 2025 | Đã đề xuất thực hiện tại văn bản số 3950/UBND-QLĐT ngày 26/6/2020 về việc rà soát kế hoạch lập các đồ án quy hoạch, thiết kế đô thị, quy chế quản lý, chỉ giới đường đỏ, hồ sơ cắm mốc thực hiện năm 2020 và giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Hoài Đức | Công văn số 2422/UBND-QLĐT ngày 14/9/2021 của UBND huyện Hoài Đức |
| 1.3.120 | Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư xã An Khánh khu 1 và vùng phụ cận | 1/500 | An Khánh | Hoài Đức | 102,60 | UBND huyện Hoài Đức | 2021 | 2025 | Đã đề xuất thực hiện tại văn bản số 3950/UBND-QLĐT ngày 26/6/2020 về việc rà soát kế hoạch lập các đồ án quy hoạch, thiết kế đô thị, quy chế quản lý, chỉ giới đường đỏ, hồ sơ cắm mốc thực hiện năm 2020 và giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Hoài Đức | Công văn số 2422/UBND-QLĐT ngày 14/9/2021 của UBND huyện Hoài Đức |
| 1.3.121 | Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư xã An Khánh khu 2 và vùng phụ cận | 1/500 | An Khánh | Hoài Đức | 122,20 | UBND huyện Hoài Đức | 2021 | 2025 | Đã đề xuất thực hiện tại văn bản số 3950/UBND-QLĐT ngày 26/6/2020 về việc rà soát kế hoạch lập các đồ án quy hoạch, thiết kế đô thị, quy chế quản lý, chỉ giới đường đỏ, hồ sơ cắm mốc thực hiện năm 2020 và giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Hoài Đức | Công văn số 2422/UBND-QLĐT ngày 14/9/2021 của UBND huyện Hoài Đức |
| 1.3.122 | Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư xã La Phù, An Khánh và vùng phụ cận | 1/500 | An Khánh, La Phù | Hoài Đức | 128,80 | UBND huyện Hoài Đức | 2021 | 2025 | Đã đề xuất thực hiện tại văn bản số 3950/UBND-QLĐT ngày 26/6/2020 về việc rà soát kế hoạch lập các đồ án quy hoạch, thiết kế đô thị, quy chế quản lý, chỉ giới đường đỏ, hồ sơ cắm mốc thực hiện năm 2020 và giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Hoài Đức | Công văn số 2422/UBND-QLĐT ngày 14/9/2021 của UBND huyện Hoài Đức |

| Stt (1) | Tên đồ án, quy chế... (2) | Tỷ lệ (3) | Địa điểm (4) | | Quy mô (5) | Đơn vị tổ chức thực hiện (6) | Thời gian thực hiện | | Ghi chú (9) | Văn bản đề xuất của đơn vị (10) |
|------------|--|--------------|----------------------------|------------|---------------|------------------------------------|---------------------|------------------------------|--|---|
| | | | Phường/xã | Quận/huyện | | | Bắt đầu (7) | Dự kiến hoàn thành (8) | | |
| I.3.123 | Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư xã La Phù và vùng phụ cận | 1/500 | La Phù | Hoài Đức | 302,80 | UBND huyện Hoài Đức | 2021 | 2025 | Đã đề xuất thực hiện tại văn bản số 3950/UBND-QLĐT ngày 26/6/2020 về việc rà soát kế hoạch lập các đồ án quy hoạch, thiết kế đô thị, quy chế quản lý, chỉ giới đường đỏ, hồ sơ cắm mốc thực hiện năm 2020 và giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Hoài Đức | Công văn số 2422/UBND-QLĐT ngày 14/9/2021 của UBND huyện Hoài Đức |
| I.3.124 | Lập quy hoạch chi tiết chỉnh trang khu làng xóm tại ô quy hoạch D3 phân khu H2-4 | 1/500 | phường Yên Sở | Hoàng Mai | 36,00 | UBND quận Hoàng Mai | 2025 | 2030 | | Công văn số 2824/UBND-QLĐT ngày 29/9/2021 của UBND quận Hoàng Mai |
| I.3.125 | Lập quy hoạch chi tiết chỉnh trang khu làng xóm tại ô quy hoạch H1 phân khu H2-4 | 1/500 | phường Trần Phú | Hoàng Mai | 20,00 | UBND quận Hoàng Mai | 2025 | 2030 | | Công văn số 2824/UBND-QLĐT ngày 29/9/2021 của UBND quận Hoàng Mai |
| I.3.126 | Lập quy hoạch chi tiết chỉnh trang khu làng xóm tại ô quy hoạch F3 phân khu H2-4 | 1/500 | phường Thanh Trì | Hoàng Mai | 30,00 | UBND quận Hoàng Mai | 2025 | 2030 | | Công văn số 2824/UBND-QLĐT ngày 29/9/2021 của UBND quận Hoàng Mai |
| I.3.127 | Lập quy hoạch chi tiết chỉnh trang khu làng xóm tại ô quy hoạch G1 phân khu H2-4 | 1/500 | phường Thanh Trì | Hoàng Mai | 25,00 | UBND quận Hoàng Mai | 2025 | 2030 | | Công văn số 2824/UBND-QLĐT ngày 29/9/2021 của UBND quận Hoàng Mai |
| I.3.128 | Lập quy hoạch chi tiết chỉnh trang khu làng xóm tại ô quy hoạch G2 phân khu H2-4 | 1/500 | phường Lĩnh Nam | Hoàng Mai | 35,00 | UBND quận Hoàng Mai | 2025 | 2030 | | Công văn số 2824/UBND-QLĐT ngày 29/9/2021 của UBND quận Hoàng Mai |
| I.3.129 | Lập quy hoạch chi tiết chỉnh trang khu làng xóm tại ô quy hoạch F2 phân khu H2-4 | 1/500 | phường Vĩnh Hưng | Hoàng Mai | 50,00 | UBND quận Hoàng Mai | 2025 | 2030 | | Công văn số 2824/UBND-QLĐT ngày 29/9/2021 của UBND quận Hoàng Mai |
| I.3.130 | Lập quy hoạch chi tiết chỉnh trang khu làng xóm tại ô quy hoạch F4 phân khu H2-4 | 1/500 | phường Vĩnh Hưng, Lĩnh Nam | Hoàng Mai | 40,00 | UBND quận Hoàng Mai | 2025 | 2030 | | Công văn số 2824/UBND-QLĐT ngày 29/9/2021 của UBND quận Hoàng Mai |

| Stt (1) | Tên đồ án, quy chế... (2) | Tỷ lệ (3) | Địa điểm (4) | | Quy mô (5) | Đơn vị tổ chức thực hiện (6) | Thời gian thực hiện | | Ghi chú (9) | Văn bản đề xuất của đơn vị (10) |
|------------|--|--------------|--|------------|---------------|---------------------------------|---------------------|---------------------------|--|---|
| | | | Phường/xã | Quận/huyện | | | Bắt đầu (7) | Dự kiến hoàn thành (8) | | |
| I.3.131 | Quy hoạch chi tiết tại ô đất ký hiệu H trong quy hoạch phân khu đô thị N10, phường Bồ Đề, Long Biên, Cự Khối | 1/500 | quận Long Biên | Long Biên | 410,75 | UBND quận Long Biên | 2021 | 2023 | Thực hiện theo chỉ đạo của UBND Thành phố (Công văn số 7681/VP-QT ngày 23/7/2021 giao UBND quận Long Biên là đơn vị tổ chức lập điều chỉnh cục bộ QHPK đô thị N10, tỷ lệ 1/2000 tại Khu H và tổ chức lập QHCT, tỷ lệ 1/500 tại Khu H đảm bảo một đầu mỗi triển khai thống nhất, phù hợp pháp lý đầu tư). | Công văn số 1623/UBND-QLĐT ngày 06/9/2021 của UBND quận Long Biên |
| I.3.132 | Quy hoạch chi tiết tại các ô quy hoạch G4 và G5, phường Thạch Bàn. | 1/500 | quận Long Biên | Long Biên | 38,66 | UBND quận Long Biên | 2021 | 2023 | Công ty VNS tài trợ kinh phí. | Công văn số 1623/UBND-QLĐT ngày 06/9/2021 của UBND quận Long Biên |
| I.3.133 | Quy hoạch chi tiết khu công viên làng nghề Lê Mật, phường Việt Hưng tại ô quy hoạch C12/CXKO. | 1/500 | quận Long Biên | Long Biên | 11,79 | UBND quận Long Biên | 2022 | 2023 | | Công văn số 1623/UBND-QLĐT ngày 06/9/2021 của UBND quận Long Biên |
| I.3.134 | Xây dựng HTKT khu đất đấu giá QSD đất tại điểm X4, thôn Lâm Hộ, xã Thanh Lâm | 1/500 | Xã Thanh Lâm | Mê Linh | 6,60 | UBND huyện Mê Linh | 2021 | 2022 | | Công văn số 2429/UBND-QLĐT ngày 24/9/2021 của UBND huyện Mê Linh |
| I.3.135 | Xây dựng HTKT để đấu giá QSD đất tại điểm QM-01 tổ dân phố 4,5,6, thị trấn Quang Minh | 1/500 | thị trấn Quang Minh | Mê Linh | 3,44 | UBND huyện Mê Linh | 2021 | 2022 | | Công văn số 2429/UBND-QLĐT ngày 24/9/2021 của UBND huyện Mê Linh |
| I.3.136 | Quy hoạch chi tiết chợ đầu mối nông sản tổng hợp huyện Mê Linh | 1/500 | Xã Thanh Lâm, Kim Hoa | Mê Linh | 23,00 | UBND huyện Mê Linh | 2022 | 2023 | Xem xét cụ thể trong quá trình thực hiện để phù hợp với chủ trương chung của Thành phố về đầu tư xây dựng các chợ đầu mối (theo các chương trình xúc tiến đầu tư) | Công văn số 2429/UBND-QLĐT ngày 24/9/2021 của UBND huyện Mê Linh |
| I.3.137 | Quy hoạch chi tiết khu công viên du lịch dịch vụ giải trí Đồng Mô | 1/500 | Xã Sơn Đông - thị xã Sơn Tây - TP Hà Nội | Sơn Tây | 263,00 | UBND thị xã Sơn Tây | 2023 | 2024 | Đồ án đề xuất mới (Trong quá trình thực hiện cần kiểm tra, tránh chồng chéo nội dung Viện QHXD Hà Nội đang thực hiện) | Công văn số 1887/UBND-QLĐT ngày 27/8/2021 của UBND thị xã Sơn Tây |
| I.3.138 | Quy hoạch chi tiết đường từ Thành Cổ Sơn Tây đến Bắc Đền Và | 1/500 | Phường Trung Hưng - thị xã Sơn Tây - TP Hà Nội | Sơn Tây | 15,75 | UBND thị xã Sơn Tây | 2023 | 2024 | Đồ án đề xuất mới | Công văn số 1887/UBND-QLĐT ngày 27/8/2021 của UBND thị xã Sơn Tây |

| Stt (1) | Tên đồ án, quy chế,... (2) | Tỷ lệ (3) | Địa điểm (4) | | Quy mô (5) | Đơn vị tổ chức thực hiện (6) | Thời gian thực hiện | | Ghi chú (9) | Văn bản đề xuất của đơn vị (10) |
|----------------------------|---|--------------|--|----------------|------------------------------------|--|-----------------------------------|---------------------------|---|--|
| | | | Phường/xã | Quận/huyện | | | Bắt đầu (7) | Dự kiến hoàn thành (8) | | |
| I.3.139 | Quy hoạch chi tiết, tỷ lệ 1/500 cải tạo, chỉnh trang khu dân cư hiện hữu thị trấn Liên Quan | 1/500 | thị trấn Liên Quan | Thạch Thất | 46,00 | UBND huyện Thạch Thất | 2023 | 2024 | Tiến hành song song với việc điều chỉnh quy hoạch chỉnh trang thị trấn Liên Quan | Công văn số 1704/UBND-QLĐT ngày 27/8/2021 của UBND huyện Thạch Thất |
| I.3.140 | Quy hoạch chi tiết ô quy hoạch K2, tỷ lệ 1/500 thị trấn Kim Bài | 1/500 | Thị trấn Kim Bài, huyện Thanh Oai | Thanh Oai | 44,84 | UBND huyện Thanh Oai | Năm 2021 | Năm 2022 | | Công văn số 1594/UBND-QLĐT ngày 28/8/2021 của UBND huyện Thanh Oai |
| I.3.141 | Quy hoạch chi tiết ô quy hoạch K4, tỷ lệ 1/500 thị trấn Kim Bài | 1/500 | Thị trấn Kim Bài, huyện Thanh Oai | Thanh Oai | 130,69 | UBND huyện Thanh Oai | Năm 2023 | Năm 2024 | | Công văn số 1594/UBND-QLĐT ngày 28/8/2021 của UBND huyện Thanh Oai |
| I.3.142 | Quy hoạch chi tiết khu Tưởng niệm danh nhân Chu Văn An, huyện Thanh Trì, giai đoạn 2. | 1/500 | Xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì | Thanh Trì | 42,8 | UBND huyện Thanh Trì | Khi thành phố chấp thuận danh mục | 2022 | Thông báo số 401/TB-UBND ngày 6/7/2021 và 3496/QHKT-P2 ngày 23/7/2021 | Công văn số 1743/UBND-QLĐT ngày 23/8/2021 của UBND huyện Thanh Trì |
| I.3.143 | Quy hoạch chi tiết Khu đô thị tiếp giáp đoạn 3 (Khu C) - Khu vực phát triển đô thị hai bên đường Nhật Tân - Nội Bài | 1/500 | Kim Nỗ, Hái Bôi | Huyện Đông Anh | 229,29 | Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp Thành phố | 2022 | 2023-2024 | | Cập nhật danh mục theo Văn bản số 5775/UBND-ĐT ngày 15/12/2020 của UBND Thành phố |
| I.3.144 | Quy hoạch chi tiết hai bên tuyến đường Vành đai 4 | 1/500 | Các quận, huyện có liên quan | | Xác định trong quá trình thực hiện | | 2022 | 2025 | Xem xét cụ thể trong quá trình thực hiện (lập quy hoạch chi tiết đoạn qua khu vực phát triển đô thị) | Sở Quy hoạch - Kiến trúc đề xuất trên cơ sở Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 20/9/2021 của Thành ủy |
| I.3.145 | Quy hoạch dọc sông Hồng, sông Đà, sông Đáy, sông Tích, sông Bùi (khu vực phát triển đô thị) | 1/500 | Các quận, huyện, thị xã liên quan | | Xác định trong quá trình thực hiện | Xác định trong quá trình thực hiện | 2022 | 2025 | Cấp thẩm quyền sẽ xem xét, quyết định việc lập quy hoạch trên cơ sở kết quả rà soát, báo cáo, đánh giá sự cần thiết | Sở Quy hoạch - Kiến trúc đề xuất |
| I.3.146 | QHCT các khu vực quan trọng: Khu đô thị đại học tập trung; y tế tập trung; công viên khoa học, khởi nghiệp sáng tạo;... | 1/500 | Các quận, huyện, thị xã thuộc thành phố Hà Nội | | Xác định trong quá trình thực hiện | Xác định trong quá trình thực hiện | 2022 | 2025 | Cấp thẩm quyền sẽ xem xét, quyết định việc lập quy hoạch trên cơ sở kết quả rà soát, báo cáo, đánh giá sự cần thiết | Sở Quy hoạch - Kiến trúc đề xuất |
| I.4 Thiết kế đô thị | | | | | | | | | | |
| I.4.1 | Thiết kế chỉnh trang 2 bên Quốc lộ 1 (đoạn qua Đô thị về tỉnh Phú Xuyên) | | Thường Tín, Phú Xuyên | Nhiều địa bàn | | Xem xét trong quá trình thực hiện | 2021 | 2023 | | Công văn số 1931/UBND-QLĐT ngày 20/8/2021 của UBND huyện Phú Xuyên |

| Stt (1) | Tên đồ án, quy chế,... (2) | Tỷ lệ (3) | Địa điểm (4) | | Quy mô (5) | Đơn vị tổ chức thực hiện (6) | Thời gian thực hiện | | Ghi chú (9) | Văn bản đề xuất của đơn vị (10) |
|------------|---|--------------|---|------------|---------------|---------------------------------|---------------------|---------------------------|---|---|
| | | | Phường/xã | Quận/huyện | | | Bắt đầu (7) | Dự kiến hoàn thành (8) | | |
| I.4.2 | TKĐT khu quy hoạch A (diện tích khoảng 99,52ha) trong đồ án Quy hoạch phân khu đô thị H1-3 | 1/500 | phường Láng Thượng, quận Đống Đa | Đống Đa | 99,52 | UBND quận Đống Đa | 2022 | 2025 | Quản đề xuất lập QHCT. Tuy nhiên đề phù hợp với Chương trình số 05 (Phụ lục 2) Sở QHKT đề xuất chuyển sang TKĐT | Công văn số 1625/UBND-QLĐT ngày 25/8/2021 của UBND quận Đống Đa |
| I.4.3 | TKĐT khu quy hoạch B (diện tích khoảng 9,72ha) trong đồ án Quy hoạch phân khu đô thị H1-3 | 1/500 | phường Láng Hạ, quận Đống Đa | Đống Đa | 9,72 | UBND quận Đống Đa | 2022 | 2025 | Quản đề xuất lập QHCT. Tuy nhiên đề phù hợp với Chương trình số 05 (Phụ lục 2) Sở QHKT đề xuất chuyển sang TKĐT | Công văn số 1625/UBND-QLĐT ngày 25/8/2021 của UBND quận Đống Đa |
| I.4.4 | TKĐT khu quy hoạch C (diện tích khoảng 46,18ha) trong đồ án Quy hoạch phân khu đô thị H1-3 | 1/500 | phường Láng Hạ, quận Đống Đa | Đống Đa | 46,18 | UBND quận Đống Đa | 2022 | 2025 | Quản đề xuất lập QHCT. Tuy nhiên đề phù hợp với Chương trình số 05 (Phụ lục 2) Sở QHKT đề xuất chuyển sang TKĐT | Công văn số 1625/UBND-QLĐT ngày 25/8/2021 của UBND quận Đống Đa |
| I.4.5 | TKĐT khu quy hoạch D (diện tích khoảng 93,98ha) trong đồ án Quy hoạch phân khu đô thị H1-3 | 1/500 | phường Thịnh Quang, Trung Liệt, quận Đống Đa | Đống Đa | 93,98 | UBND quận Đống Đa | 2023 | 2025 | Quản đề xuất lập QHCT. Tuy nhiên đề phù hợp với Chương trình số 05 (Phụ lục 2) Sở QHKT đề xuất chuyển sang TKĐT | Công văn số 1625/UBND-QLĐT ngày 25/8/2021 của UBND quận Đống Đa |
| I.4.6 | TKĐT khu quy hoạch E (diện tích khoảng 105,50ha) trong đồ án Quy hoạch phân khu đô thị H1-3 | 1/500 | phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa | Đống Đa | 105,50 | UBND quận Đống Đa | 2023 | 2025 | Quản đề xuất lập QHCT. Tuy nhiên đề phù hợp với Chương trình số 05 (Phụ lục 2) Sở QHKT đề xuất chuyển sang TKĐT | Công văn số 1625/UBND-QLĐT ngày 25/8/2021 của UBND quận Đống Đa |
| I.4.7 | TKĐT khu quy hoạch F (diện tích khoảng 111,10ha) trong đồ án Quy hoạch phân khu đô thị H1-3 | 1/500 | phường Hàng Bột, Quốc Tử Giám, Cát Linh, quận Đống Đa | Đống Đa | 111,10 | UBND quận Đống Đa | 2023 | 2025 | Quản đề xuất lập QHCT. Tuy nhiên đề phù hợp với Chương trình số 05 (Phụ lục 2) Sở QHKT đề xuất chuyển sang TKĐT | Công văn số 1625/UBND-QLĐT ngày 25/8/2021 của UBND quận Đống Đa |
| I.4.8 | TKĐT khu quy hoạch G (diện tích khoảng 27,67ha) trong đồ án Quy hoạch phân khu đô thị H1-3 | 1/500 | Phường Hàng Bột, Quốc Tử Giám, quận Đống Đa | Đống Đa | 27,67 | UBND quận Đống Đa | 2024 | 2025 | Quản đề xuất lập QHCT. Tuy nhiên đề phù hợp với Chương trình số 05 (Phụ lục 2) Sở QHKT đề xuất chuyển sang TKĐT | Công văn số 1625/UBND-QLĐT ngày 25/8/2021 của UBND quận Đống Đa |
| I.4.9 | TKĐT khu quy hoạch H (diện tích khoảng 76,05ha) trong đồ án Quy hoạch phân khu đô thị H1-3 | 1/500 | Phường Thổ Quan, Khâm Thiên, Trung Phụng, Phương Liên, quận Đống Đa | Đống Đa | 76,05 | UBND quận Đống Đa | 2024 | 2025 | Quản đề xuất lập QHCT. Tuy nhiên đề phù hợp với Chương trình số 05 (Phụ lục 2) Sở QHKT đề xuất chuyển sang TKĐT | Công văn số 1625/UBND-QLĐT ngày 25/8/2021 của UBND quận Đống Đa |
| I.4.10 | TKĐT khu quy hoạch I (diện tích khoảng 82,99ha) trong đồ án Quy hoạch phân khu đô thị H1-3 | 1/500 | Phường Nam Đồng, Trung Tự, Quang Trung, quận Đống Đa | Đống Đa | 82,99 | UBND quận Đống Đa | 2024 | 2025 | Quản đề xuất lập QHCT. Tuy nhiên đề phù hợp với Chương trình số 05 (Phụ lục 2) Sở QHKT đề xuất chuyển sang TKĐT | Công văn số 1625/UBND-QLĐT ngày 25/8/2021 của UBND quận Đống Đa |
| I.4.11 | TKĐT khu quy hoạch J (diện tích khoảng 52,70ha) trong đồ án Quy hoạch phân khu đô thị H1-3 | 1/500 | Phường Khương Thượng, Ngã Tư Sở, quận Đống Đa | Đống Đa | 52,70 | UBND quận Đống Đa | 2025 | 2025 | Quản đề xuất lập QHCT. Tuy nhiên đề phù hợp với Chương trình số 05 (Phụ lục 2) Sở QHKT đề xuất chuyển sang TKĐT | Công văn số 1625/UBND-QLĐT ngày 25/8/2021 của UBND quận Đống Đa |

| Stt (1) | Tên đồ án, quy chế,... (2) | Tỷ lệ (3) | Địa điểm (4) | | Quy mô (5) | Đơn vị tổ chức thực hiện (6) | Thời gian thực hiện | | Ghi chú (9) | Văn bản đề xuất của đơn vị (10) |
|------------|---|--------------|--|------------|---------------|---------------------------------|---------------------|---------------------------|---|---|
| | | | Phường/xã | Quận/huyện | | | Bắt đầu (7) | Dự kiến hoàn thành (8) | | |
| I.4.12 | TKĐT khu quy hoạch K (diện tích khoảng 111,29ha) trong đồ án Quy hoạch phân khu đô thị HI-3 | 1/500 | Phường Kim Liên, Phường Mai, quận Đống Đa | Đống Đa | 111,29 | UBND quận Đống Đa | 2025 | 2025 | Quản đề xuất cấp QHCT. Tuy nhiên đề phù hợp với Chương trình số 05 (Phụ lục 2) Sở QHKT đề xuất chuyển sang TKĐT | Công văn số 1625/UBND-QLĐT ngày 25/8/2021 của UBND quận Đống Đa |
| I.4.13 | TKĐT hai bên tuyến đường Vành đai 1 (đoạn Hoàng Cầu - Láng Hạ) | 1/500 | Phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa | Đống Đa | 6,70 | UBND quận Đống Đa | 2021 | 2022 | | Công văn số 1625/UBND-QLĐT ngày 25/8/2021 của UBND quận Đống Đa |
| I.4.14 | TKĐT hai bên tuyến đường Phương Mai - Sông Lừ | 1/500 | Phường Phương Mai, Khuong Thượng, quận Đống Đa | Đống Đa | 2,20 | UBND quận Đống Đa | 2021 | 2022 | | Công văn số 1625/UBND-QLĐT ngày 25/8/2021 của UBND quận Đống Đa |
| I.4.15 | TKĐT hai bên tuyến đường Phan Văn Trị - ga Hà Nội. | 1/500 | quận Đống Đa | Đống Đa | 3,40 | UBND quận Đống Đa | 2021 | 2022 | | Công văn số 1625/UBND-QLĐT ngày 25/8/2021 của UBND quận Đống Đa |
| I.4.16 | TKĐT hai bên tuyến đường Chùa Bộc | 1/500 | phường Quang Trung, quận Đống Đa | Đống Đa | 4,50 | UBND quận Đống Đa | 2021 | 2022 | | Công văn số 1625/UBND-QLĐT ngày 25/8/2021 của UBND quận Đống Đa |
| I.4.17 | TKĐT riêng tuyến phố Hàng Đào - Hàng Ngang - Hàng Đường - Đồng Xuân - Nguyễn Thiện Thuật - Cao Thắng - Hàng Khoai - Hàng Giấy | 1/500 | Khu phố cổ Hà Nội | Hoàn Kiếm | 11,30, | UBND quận Hoàn Kiếm | 2022 | 2024 | | Công văn số 1249/UBND-QLĐT ngày 30/8/2021 của UBND quận Hoàn Kiếm |
| I.4.18 | TKĐT riêng tuyến phố Hàng Lược - Chả Cá - Hàng Cẩn - Lương Văn Can | 1/500 | Khu phố cổ Hà Nội | Hoàn Kiếm | 7,8 | UBND quận Hoàn Kiếm | 2022 | 2024 | | Công văn số 1249/UBND-QLĐT ngày 30/8/2021 của UBND quận Hoàn Kiếm |
| I.4.19 | TKĐT riêng tuyến phố Hàng Bông - Hàng Gai - Cầu Gỗ | 1/500 | Khu liên kế phố cổ - phố cũ quận Hoàn Kiếm | Hoàn Kiếm | 12,00 | UBND quận Hoàn Kiếm | 2022 | 2024 | | Công văn số 1249/UBND-QLĐT ngày 30/8/2021 của UBND quận Hoàn Kiếm |
| I.4.20 | TKĐT riêng tuyến phố Đinh Tiên Hoàng - Quảng trường Đông kinh nghĩa thực - Lê Thái Tổ | 1/500 | Xung quanh hồ Hoàn Kiếm | Hoàn Kiếm | 21,7 | UBND quận Hoàn Kiếm | 2023 | 2024 | | Công văn số 1249/UBND-QLĐT ngày 30/8/2021 của UBND quận Hoàn Kiếm |
| I.4.21 | TKĐT riêng tuyến phố Lý Thái Tổ - Quảng trường Ngân hàng Nhà nước | 1/500 | Khu phố cũ quận Hoàn Kiếm | Hoàn Kiếm | 12,00 | UBND quận Hoàn Kiếm | 2023 | 2024 | | Công văn số 1249/UBND-QLĐT ngày 30/8/2021 của UBND quận Hoàn Kiếm |
| I.4.22 | TKĐT riêng tuyến phố Nhà Chung - trước Nhà Thờ lớn - Lý Quốc Sư | 1/500 | Khu phố cũ quận Hoàn Kiếm | Hoàn Kiếm | 6,00 | UBND quận Hoàn Kiếm | 2024 | 2025 | | Công văn số 1249/UBND-QLĐT ngày 30/8/2021 của UBND quận Hoàn Kiếm |

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel +84-28-39303399 * www.ThuVienPhapLuat.com

| Stt (1) | Tên đồ án, quy chế... (2) | Tỷ lệ (3) | Địa điểm (4) | | Quy mô (5) | Đơn vị tổ chức thực hiện (6) | Thời gian thực hiện | | Ghi chú (9) | Văn bản đề xuất của đơn vị (10) |
|------------|---|--------------|--|-------------|------------------------------------|---------------------------------|---------------------|---------------------------|---|---|
| | | | Phường/xã | Quận/huyện | | | Bắt đầu (7) | Dự kiến hoàn thành (8) | | |
| I.4.23 | TKĐT riêng tuyến phố Tráng Tiên (bao gồm cả Quảng trường Cách mạng Tháng Tám) - Hàng Khai - Tráng Thi - Nút giao Cửa Nam | 1/500 | Khu Hồ Gươm và phụ cận | Hoàn Kiếm | 28,00 | UBND quận Hoàn Kiếm | 2024 | 2025 | | Công văn số 1249/UBND-QLĐT ngày 30/8/2021 của UBND quận Hoàn Kiếm |
| I.4.24 | TKĐT riêng tuyến phố Hai Bà Trưng | 1/500 | Khu phố cũ quận Hoàn Kiếm | Hoàn Kiếm | 29,5 | UBND quận Hoàn Kiếm | 2024 | 2025 | | Công văn số 1249/UBND-QLĐT ngày 30/8/2021 của UBND quận Hoàn Kiếm |
| I.4.25 | TKĐT riêng tuyến phố Trần Hưng Đạo - Nút giao thông Trần Hưng Đạo - Lê Thành Tông | 1/500 | Khu phố cũ quận Hoàn Kiếm | Hoàn Kiếm | 45,2 | UBND quận Hoàn Kiếm | 2024 | 2025 | | Công văn số 1249/UBND-QLĐT ngày 30/8/2021 của UBND quận Hoàn Kiếm |
| I.4.26 | TKĐT tuyến đường phía Đông Trung tâm hành chính quận Hoàng Mai với mặt cắt rộng 30 m điểm đầu nút giao đường Vành đai 3 điểm cuối đường Tam Trinh quy mô khoảng 2.400 m | 1/500 | phường Thịnh Liệt, Yên Sở | Hoàng Mai | 2,4km | UBND quận Hoàng Mai | Quý I/2022 | Quý IV/2022 | | Công văn số 2824/UBND-QLĐT ngày 29/9/2021 của UBND quận Hoàng Mai |
| I.4.27 | TKĐT tuyến đường từ đường Giải Phóng Phòng đến đường phía Đông trung tâm hành chính quận Hoàng Mai với mặt cắt rộng 30 m quy mô khoảng 850 m | 1/500 | phường Thịnh Liệt | Hoàng Mai | 0,85 km | UBND quận Hoàng Mai | 2025 | 2030 | | Công văn số 2824/UBND-QLĐT ngày 29/9/2021 của UBND quận Hoàng Mai |
| I.4.28 | TKĐT Hai bên bờ Ngòi Tùng Kê (kênh Cầu Triền) | 1/500 | Phường Tây Mỗ, Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm | Nam Từ Liêm | 25,00 | UBND Quận Nam Từ Liêm | 2022 | 2023-2024 | | Công văn số 2148/UBND-QLĐT ngày 24/8/2021 của UBND quận Nam Từ Liêm |
| I.4.29 | TKĐT khu vực xung quanh Thành cổ Sơn Tây | 1/500 | Phường Lê Lợi - thị xã Sơn Tây - TP Hà Nội | Sơn Tây | 4,00 | UBND thị xã Sơn Tây | 2023 | 2024 | Đồ án đề xuất mô | Công văn số 1887/UBND-QLĐT ngày 27/8/2021 của UBND thị xã Sơn Tây |
| I.4.30 | TKĐT các khu dân cư làng xóm hiện có, cải tạo chỉnh trang, các khu vực hai bên tuyến đường giao thông | 1/500 | Thành phố Hà Nội | | Xác định trong quá trình thực hiện | UBND các quận | 2021 | 2025 | Xem xét cụ thể từng khu vực đề xuất lập TKĐT trong quá trình triển khai thực hiện | Triển khai theo Chương trình số 05-CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy |

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVien

| Stt (1) | Tên đồ án, quy chế,... (2) | Tỷ lệ (3) | Địa điểm (4) | | Quy mô (5) | Đơn vị tổ chức thực hiện (6) | Thời gian thực hiện | | Ghi chú (9) | Văn bản đề xuất của đơn vị (10) |
|---|---|--------------|--|------------|------------------------------------|-----------------------------------|---------------------|---------------------------|--|---|
| | | | Phường/xã | Quận/huyện | | | Bắt đầu (7) | Dự kiến hoàn thành (8) | | |
| I.4.31 | Thiết kế đô thị trong khu vực nội đô lịch sử (nghiên cứu thực hiện thi tuyển phương án) | 1/500 | các quận Ba Đình, Hoàn Kiếm, Tây Hồ, Đống Đa, Hai Bà Trưng | | | Xem xét trong quá trình thực hiện | 2021 | 2022 | | Triển khai theo Chương trình số 05-CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy |
| I.4.33 | TKĐT khu vực Hồ Tây (A6) và phụ cận | 1/500 | Quận Tây Hồ và phụ cận | | Xác định trong quá trình thực hiện | Xem xét trong quá trình thực hiện | 2022 | 2025 | Cấp thẩm quyền sẽ xem xét, quyết định việc lập quy hoạch trên cơ sở kết quả rà soát, báo cáo đánh giá sự cần thiết | Sở Quy hoạch - Kiến trúc đề xuất |
| I.4.34 | Rà soát, lập TKĐT các tuyến đường chính tại các khu vực phát triển đô thị | 1/500 | Thành phố Hà Nội | | Xác định trong quá trình thực hiện | Xem xét trong quá trình thực hiện | 2022 | 2025 | Cấp thẩm quyền sẽ xem xét, quyết định việc lập quy hoạch trên cơ sở kết quả rà soát, báo cáo đánh giá sự cần thiết | Sở Quy hoạch - Kiến trúc đề xuất |
| II QUY HOẠCH XÂY DỰNG (theo Luật Xây dựng) | | | | | | | | | | |
| II.1 Quy hoạch xây dựng vùng | | | | | | | | | | |
| II.1.1 | Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thường Tín | 1/25000 | Huyện Thường Tín | Thường Tín | | 2021-2022 | 2021 | 2022 | UBND Thành phố cho phép thực hiện tại Công văn số 243/UBND-ĐT ngày 21/01/2021 | Sở QHKT cập nhật trong kế hoạch (nội dung đang triển khai) |
| II.1.2 | Quy hoạch xây dựng vùng huyện Phú Xuyên | 1/25000 | Huyện Phú Xuyên | Phú Xuyên | | 2021-2022 | 2021 | 2022 | UBND Thành phố đồng ý chủ trương lập QH vùng huyện tại Công văn số 721/UBND-ĐT ngày 12/3/2021 | Sở QHKT cập nhật trong kế hoạch (nội dung đang triển khai) |
| II.1.3 | Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thạch Thất | 1/25.000 | huyện Thạch Thất | Thạch Thất | | 2021-2022 | 2021 | 2022 | UBND Thành phố đồng ý chủ trương lập QH vùng huyện tại Công văn số 721/UBND-ĐT ngày 12/3/2021 | Sở QHKT cập nhật trong kế hoạch (nội dung đang triển khai) |
| II.1.4 | Quy hoạch xây dựng vùng huyện Quốc Oai | 1/25.000 | Huyện Quốc Oai | Quốc Oai | | 2021-2022 | 2021 | 2022 | UBND Thành phố đồng ý chủ trương lập QH vùng huyện tại Công văn số 721/UBND-ĐT ngày 12/3/2021 | Sở QHKT cập nhật trong kế hoạch (nội dung đang triển khai) |
| II.1.5 | Quy hoạch xây dựng vùng huyện Mỹ Đức | 1/25.000 | Huyện Mỹ Đức | Mỹ Đức | | 2021-2022 | 2021 | 2022 | UBND Thành phố đồng ý chủ trương lập QH vùng huyện tại Công văn số 721/UBND-ĐT ngày 12/3/2021 | Sở QHKT cập nhật trong kế hoạch (nội dung đang triển khai) |
| II.1.6 | Quy hoạch xây dựng vùng huyện Mê Linh | 1/25.000 | Huyện Mê Linh | Mê Linh | | 2021-2022 | 2021 | 2022 | UBND Thành phố đồng ý chủ trương lập QH vùng huyện tại Công văn số 721/UBND-ĐT ngày 12/3/2021 | Sở QHKT cập nhật trong kế hoạch (nội dung đang triển khai) |
| II.1.7 | Quy hoạch xây dựng vùng huyện Sóc Sơn | 1/25.000 | Huyện Sóc Sơn | Sóc Sơn | | 2021-2022 | 2021 | 2022 | UBND Thành phố đồng ý chủ trương lập QH vùng huyện tại Công văn số 721/UBND-ĐT ngày 12/3/2021 | Sở QHKT cập nhật trong kế hoạch (nội dung đang triển khai) |
| II.1.8 | Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thanh Oai | 1/25.000 | Huyện Thanh Oai | Thanh Oai | | 2021-2022 | 2021 | 2022 | UBND Thành phố cho phép thực hiện tại Công văn số 268/UBND-ĐT ngày 22/01/2021 | Sở QHKT cập nhật trong kế hoạch (nội dung đang triển khai) |
| II.1.9 | Quy hoạch xây dựng vùng huyện Phúc Thọ | 1/25.000 | Huyện Phúc Thọ | Phúc Thọ | | 2021-2022 | 2021 | 2022 | UBND Thành phố đồng ý chủ trương lập QH vùng huyện tại Công văn số 721/UBND-ĐT ngày 12/3/2021 | Sở QHKT cập nhật trong kế hoạch (nội dung đang triển khai) |

| Stt (1) | Tên đồ án, quy chế,... (2) | Tỷ lệ (3) | Địa điểm (4) | | Quy mô (5) | Đơn vị tổ chức thực hiện (6) | Thời gian thực hiện | | Ghi chú (9) | Văn bản đề xuất của đơn vị (10) |
|--|---|--------------|---|---------------|---------------|---|---------------------|---------------------------|--|---|
| | | | Phường/xã | Quận/huyện | | | Bắt đầu (7) | Dự kiến hoàn thành (8) | | |
| II.1.10 | Quy hoạch xây dựng vùng huyện Ứng Hòa | 1/25.000 | Huyện Ứng Hòa | Ứng Hòa | | 2021-2022 | 2021 | 2022 | UBND Thành phố cho phép thực hiện tại Công văn số 5741/UBND-ĐT ngày 09/12/2020 | Sở QHKT cập nhật trong kế hoạch (nội dung đang triển khai) |
| II.1.11 | Quy hoạch xây dựng vùng huyện Ba Vì | 1/25.000 | Huyện Ba Vì | Ba Vì | | UBND huyện Ba Vì | 2021 | 2022 | UBND Thành phố cho phép thực hiện tại Công văn số 10051/VP-BT ngày 18/11/2020 | Sở QHKT cập nhật trong kế hoạch (nội dung đang triển khai) |
| II.1.12 | Quy hoạch xây dựng vùng huyện Chương Mỹ | 1/25.000 | Huyện Chương Mỹ | Chương Mỹ | | | 2021 | 2022 | UBND Thành phố đồng ý chủ trương lập QH vùng huyện tại Công văn số 721/UBND-ĐT ngày 12/2/2021 | Sở QHKT cập nhật trong kế hoạch (nội dung đang triển khai) |
| II.1.13 | Quy hoạch xây dựng vùng huyện Đan Phượng | 1/25.000 | Huyện Đan Phượng | Đan Phượng | 7882,82 | | Quý II/2021 | Quý III/2021 | UBND Thành phố cho phép thực hiện tại Công văn số 1612/VP-ĐT ngày 03/3/2021 | Sở QHKT cập nhật trong kế hoạch (nội dung đang triển khai) |
| II.1.14 | Quy hoạch xây dựng vùng huyện Gia Lâm | 1/25.000 | Huyện Gia Lâm | Gia Lâm | | | 2021 | 2022 | UBND Thành phố cho phép thực hiện tại Công văn số 2699/UBND-ĐT ngày 26/6/2020 | Sở QHKT cập nhật trong kế hoạch (nội dung đang triển khai) |
| II.2 Quy hoạch phân khu khu chức năng | | | | | | | | | | |
| II.2.1 | QHPK xây dựng khu chức năng Khu vực hồ Xuân Khanh và vùng phụ cận | 1/2000 | Thị xã Sơn Tây, huyện Ba Vì - TP Hà Nội | Nhiều địa bàn | 917,00 | Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình Dân dụng và Công nghiệp | 2021 | 2022 | Đồ án đề xuất mới. Thực hiện theo chỉ đạo của PCT UBND thành phố tại Văn bản số 4484/VP-ĐT ngày 14/5/2021. | Công văn số 1887/UBND-QLĐT ngày 27/8/2021 của UBND thị xã Sơn Tây |
| II.2.2 | QHPK xây dựng Khu công nghệ cao sinh học Hà Nội | 1/2000 | Phường Tây Tựu, Liên Mạc, Minh Khai, Thụy Phương, Cổ Nhuế 2 | Bắc Từ Liêm | 204,00 | UBND quận Bắc Từ Liêm (*) | 2022 | 2023 | Thông báo số 213/TB-VP ngày 12/4/2021 của UBND Thành phố Hà Nội về kết luận của đồng chí Phó chủ tịch Nguyễn Mạnh Quyền tại cuộc họp xem xét thảo luận khó khăn, thúc đẩy tiến độ thực hiện Dự án Khu công nghệ cao sinh học Hà Nội tại quận Bắc Từ Liêm | Công văn số 2889/UBND-QLĐT ngày 16/9/2021 của UBND quận Bắc Từ Liêm |
| II.2.3 | QHPK Khu du lịch sinh thái Đá Chông -Thuần Mỹ | 1/2000 | Thuần Mỹ | Ba Vì | 60,00 | UBND huyện Ba Vì | 2023 | 2025 | Ranh giới các Quy hoạch phân khu sẽ được cụ thể hóa trong quá trình lập quy hoạch | Công văn số 2366/UBND-QLĐT ngày 16/09/2021 của UBND huyện Ba Vì |
| II.2.4 | QHPK khu du lịch Thiên Sơn suối Ngà (phần dưới cột 100 núi Ba Vì) | 1/2000 | Vân Hòa | Ba Vì | 200,00 | UBND huyện Ba Vì | 2023 | 2025 | Ranh giới các Quy hoạch phân khu sẽ được cụ thể hóa trong quá trình lập quy hoạch | Công văn số 2366/UBND-QLĐT ngày 16/09/2021 của UBND huyện Ba Vì |
| II.2.5 | QHPK khu du lịch sườn Tây núi Ba Vì (phần dưới cột 100) | 1/2000 | Minh Quang | Ba Vì | 300,00 | UBND huyện Ba Vì | 2023 | 2025 | Ranh giới các Quy hoạch phân khu sẽ được cụ thể hóa trong quá trình lập quy hoạch | Công văn số 2366/UBND-QLĐT ngày 16/09/2021 của UBND huyện Ba Vì |
| II.2.6 | QHPK khu du lịch Tây Nam núi Ba Vì (phần dưới cột 100 núi Ba Vì) | 1/2000 | Khánh Thượng | Ba Vì | 190,00 | UBND huyện Ba Vì | 2023 | 2025 | Ranh giới các Quy hoạch phân khu sẽ được cụ thể hóa trong quá trình lập quy hoạch | Công văn số 2366/UBND-QLĐT ngày 16/09/2021 của UBND huyện Ba Vì |

| Stt (1) | Tên đồ án, quy chế,... (2) | Tỷ lệ (3) | Địa điểm (4) | | Quy mô (5) | Đơn vị tổ chức thực hiện (6) | Thời gian thực hiện | | Ghi chú (9) | Văn bản đề xuất của đơn vị (10) |
|------------|--|-----------------|---|------------|---------------|-----------------------------------|---|---------------------------|--|--|
| | | | Phường/xã | Quận/huyện | | | Bắt đầu (7) | Dự kiến hoàn thành (8) | | |
| II.2.7 | QHPK khu du lịch Đông Nam núi Ba Vi | 1/2000 | Xã Yên Bái | Ba Vi | 350,00 | UBND huyện Ba Vi | 2023 | 2025 | Ranh giới các Quy hoạch phân khu sẽ được cụ thể hóa trong quá trình lập quy hoạch | Công văn số 2366/UBND-QLĐT ngày 16/09/2021 của UBND huyện Ba Vi |
| II.2.8 | QHPK khu du lịch hồ Cẩm Quý | 1/2000 | Xã Cẩm Lĩnh, Ba Trại | Ba Vi | 249,00 | UBND huyện Ba Vi | 2023 | 2025 | Ranh giới các Quy hoạch phân khu sẽ được cụ thể hóa trong quá trình lập quy hoạch | Công văn số 2366/UBND-QLĐT ngày 16/09/2021 của UBND huyện Ba Vi |
| II.2.9 | QHPK khu du lịch Khoang Xanh (phần dưới cốt 100 núi Ba Vi) | 1/2000 | Xã Văn Hòa | Ba Vi | 200,00 | UBND huyện Ba Vi | 2023 | 2025 | Ranh giới các Quy hoạch phân khu sẽ được cụ thể hóa trong quá trình lập quy hoạch | Công văn số 2366/UBND-QLĐT ngày 16/09/2021 của UBND huyện Ba Vi |
| II.2.10 | QHPK khu du lịch Ao Vua (phần dưới cốt 100 núi Ba Vi) | 1/2000 | Xã Tân Lĩnh | Ba Vi | 180,00 | UBND huyện Ba Vi | 2023 | 2025 | Ranh giới các Quy hoạch phân khu sẽ được cụ thể hóa trong quá trình lập quy hoạch | Công văn số 2366/UBND-QLĐT ngày 16/09/2021 của UBND huyện Ba Vi |
| II.2.11 | QHPK khu du lịch Đầm Long | 1/2000 | Xã Cẩm Lĩnh | Ba Vi | 400,00 | UBND huyện Ba Vi | 2023 | 2025 | Ranh giới các Quy hoạch phân khu sẽ được cụ thể hóa trong quá trình lập quy hoạch | Công văn số 2366/UBND-QLĐT ngày 16/09/2021 của UBND huyện Ba Vi |
| II.2.12 | QHPK xây dựng các khu chức năng du lịch Ba Vi - Suối Hai | 1/2000 | Xã Cẩm Lĩnh, Ba Trại | Ba Vi | 1500,00 | UBND huyện Ba Vi | 2023 | 2025 | Ranh giới các Quy hoạch phân khu sẽ được cụ thể hóa trong quá trình lập quy hoạch | Công văn số 2366/UBND-QLĐT ngày 16/09/2021 của UBND huyện Ba Vi (Sửa lại tên theo Chương trình số 05-CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy) |
| II.2.13 | QHPK xây dựng khu chức năng Khu vực phía đông Làng văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam | 1/2000 | Xã Sơn Đông - Thị xã Sơn Tây - TP Hà Nội | Sơn Tây | 345,00 | UBND thị xã Sơn Tây | 2021 | 2022 | Đồ án đề xuất mới. Thực hiện theo chỉ đạo của Phó Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội tại Văn bản số 4484/VP-ĐT ngày 14/5/2021. | Công văn số 1887/UBND-QLĐT ngày 27/8/2021 của UBND thị xã Sơn Tây |
| II.2.14 | QHPK xây dựng khu chức năng nghiên cứu đào tạo giáo dục-y tế huyện Đan Phượng tỷ lệ 1/2000 | 1/500 | Xã Phương Đình, Đan Phượng, Thị trấn Phùng | Đan Phượng | 350,00 | UBND huyện Đan Phượng | Quý II/2022 | Quý II/2023 | Đã được phê duyệt quy hoạch tỷ lệ 1/2000 khu y tế và giáo dục tập chung; Ký hiệu X5 (bản vẽ xác định vị trí kèm theo) | Công văn số 1633/UBND-QLĐT ngày 01/10/2021 của UBND huyện Đan Phượng |
| II.2.15 | QHPK xây dựng khu du lịch Thác Bạc Suối Sao | 1/2.000-1/5.000 | Xã Yên Trung, Yên Bình, huyện Thạch Thất | Thạch Thất | | Xem xét trong quá trình thực hiện | Theo tiến độ thực tế (thành phố đã có chỉ đạo về thực hiện quy hoạch này) | | VB số 7496/VP-ĐT ngày 03/9/2020 của văn phòng UBNDTP | |
| II.2.16 | QHPK xây dựng khu du lịch sinh thái khu vực phía Bắc núi Viên Nam | 1/2.000-1/5.000 | Xã Yên Trung, Yên Bình, Tiên Xuân, huyện Thạch Thất | Thạch Thất | | Xem xét trong quá trình thực hiện | Theo tiến độ thực tế (thành phố đã có chỉ đạo về thực hiện quy hoạch này) | | VB số 7496/VP-ĐT ngày 03/9/2020 của văn phòng UBNDTP | |

| Stt (1) | Tên đồ án, quy chế,... (2) | Tỷ lệ (3) | Địa điểm (4) | | Quy mô (5) | Đơn vị tổ chức thực hiện (6) | Thời gian thực hiện | | Ghi chú (9) | Văn bản đề xuất của đơn vị (10) |
|--|---|-----------------|--|------------|------------------------------------|---|---------------------|---------------------------|-------------------|--|
| | | | Phường/xã | Quận/huyện | | | Bắt đầu (7) | Dự kiến hoàn thành (8) | | |
| II.2.17 | Quy hoạch phân khu xây dựng một số khu chức năng du lịch tại Sơn Tây, Sóc Sơn, Thạch Thất,... | 1/2.000-1/5.000 | Các huyện, thị xã thuộc thành phố Hà Nội | | Xác định trong quá trình thực hiện | UBND các huyện, Thị Xã | 2021 | 2025 | | Triển khai theo Chương trình số 05-CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy |
| II.2.18 | Quy hoạch phân khu xây dựng một số khu chức năng giáo dục - y tế, nghiên cứu đào tạo, công nghiệp,... | 1/2.000-1/5.000 | Các quận, huyện, thị xã thuộc thành phố Hà Nội | | Xác định trong quá trình thực hiện | UBND các huyện, thị xã | 2021 | 2025 | | Triển khai theo Chương trình số 05-CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy |
| II.3 Quy hoạch chi tiết khu chức năng | | | | | | | | | | |
| II.3.1 | QHCT các khu du lịch huyện Ba Vì | 1/500 | huyện Ba Vì | Ba Vì | | UBND huyện Ba Vì; các đơn vị được giao chủ đầu tư | 2023 | 2025 | | Công văn số 2366/UBND-QLĐT ngày 16/09/2021 của UBND huyện Ba Vì |
| II.3.2 | QHCT chợ đầu mối xã Cam Thượng | 1/500 | Xã Cam Thượng | Ba Vì | 30 | UBND huyện Ba Vì | 2023 | 2024 | | Công văn số 2725/UBND-QLĐT ngày 22/10/2021 của UBND huyện Ba Vì (Văn bản bổ sung) |
| II.3.3 | QH mở rộng cụm công nghiệp Đồng Giai | 1/500 | Xã Vật Lại | Ba Vì | 20 | UBND huyện Ba Vì | 2023 | 2024 | Mở rộng thêm 40ha | Công văn số 2725/UBND-QLĐT ngày 22/10/2021 của UBND huyện Ba Vì (Văn bản bổ sung) |
| II.3.4 | QHCT tỷ lệ 1/500 công viên cây xanh hồ điều hòa thuộc ô quy hoạch VII.4.2 và VII.5.2 phân khu đô thị N7 | 1/500 | xã Uy Nỗ, xã Việt Hùng | Đông Anh | 33,80 | UBND huyện Đông Anh | 2022 | 2023 | | Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh |
| II.3.5 | QHCT tỷ lệ 1/500 khu chức năng đô thị, công cộng thành phố thuộc ô quy hoạch VII.2.3 phân khu đô thị N7 | 1/500 | xã Tiên Dương | Đông Anh | 15,00 | UBND huyện Đông Anh | 2022 | 2023 | | Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh |
| II.3.6 | QHCT tỷ lệ 1/500 khu cây xanh thể dục thể thao kết hợp công cộng thành phố thuộc Ô QH VII.2.4, VII.2.6; VII.3.3; VII.3.4, phân khu đô thị N7) | 1/500 | xã Tiên Dương | Đông Anh | 89,80 | UBND huyện Đông Anh | 2022 | 2023 | | Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh |
| II.3.7 | QHCT tỷ lệ 1/500 dự án: Xây dựng HTKT khu cây xanh thể dục thể thao thuộc Ô Quy hoạch V.2.8 phân khu đô thị N5 | 1/500 | xã Tiên Dương | Đông Anh | 27,00 | UBND huyện Đông Anh | 2022 | 2023 | | Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh |

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tet +84-28-3930 3279 * www.ThuVien

| Stt (1) | Tên đồ án, quy chế,... (2) | Tỷ lệ (3) | Địa điểm (4) | | Quy mô (5) | Đơn vị tổ chức thực hiện (6) | Thời gian thực hiện | | Ghi chú (9) | Văn bản đề xuất của đơn vị (10) |
|------------|--|--------------|--|------------|------------------------------------|------------------------------------|---------------------|---------------------------|--|---|
| | | | Phường/xã | Quận/huyện | | | Bắt đầu (7) | Dự kiến hoàn thành (8) | | |
| II.3.8 | QHCT tỷ lệ 1/500 cây xanh thể dục thể thao thuộc ô quy hoạch V.3.1 phân khu đô thị N5 | 1/500 | xã Nguyễn Khê | Đông Anh | 22,80 | UBND huyện Đông Anh | 2022 | 2023 | | Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh |
| II.3.9 | QHCT tỷ lệ 1/500 cây xanh thể dục thể thao thuộc ô quy hoạch 2-1, 2-2, 2-3 phân khu đô thị GNB | 1/500 | xã Uy Nỗ, Việt Hùng và Xuân Nộn | Đông Anh | 100,00 | UBND huyện Đông Anh | 2022 | 2023 | | Công văn số 2957/UBND-QLĐT ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh |
| II.3.10 | QHCT các khu vực công viên, cây xanh tại các khu vực phát triển đô thị | 1/500 | Các quận, huyện, thị xã thuộc thành phố Hà Nội | | Xác định trong quá trình thực hiện | Xác định trong quá trình thực hiện | 2021 | 2025 | Cấp thẩm quyền sẽ xem xét, quyết định việc lập quy hoạch trên cơ sở kết quả rà soát, báo cáo đánh giá sự cần thiết | Sở Quy hoạch - Kiến trúc đề xuất |

| Stt (1) | Tên đồ án, quy chế,... (2) | Tỷ lệ (3) | Địa điểm (4) | | Quy mô (5) | Đơn vị tổ chức thực hiện (6) | Thời gian thực hiện | | Ghi chú (9) | Văn bản đề xuất của đơn vị (10) |
|--|---|--------------|--|------------|------------------------------------|---|----------------------|---------------------------|--|---|
| | | | Phường/xã | Quận/huyện | | | Bắt đầu (7) | Dự kiến hoàn thành (8) | | |
| II.4 Quy hoạch chung xây dựng xã | | | | | | | | | | |
| II.4.1 | Lập quy hoạch chung xây dựng các xã sau khi các quy hoạch xây dựng vùng huyện được duyệt. | 1/5.000 | Các xã thuộc các huyện trên địa bàn thành phố. | | Xác định trong quá trình thực hiện | UBND các huyện, xã | Theo tiến độ thực tế | | UBND các huyện, xã xem xét sự cần thiết, tổ chức lập các quy hoạch chung xây dựng xã sau khi các quy hoạch xây dựng vùng huyện được duyệt. | Sở Quy hoạch - Kiến trúc đề xuất |
| II.5 Quy hoạch chi tiết trung tâm xã, quy hoạch chi tiết điểm dân cư nông thôn | | | | | | | | | | |
| II.5.1 | Lập quy hoạch chi tiết các trung tâm xã, điểm dân cư nông thôn theo quy hoạch chung xây dựng các xã được duyệt. | 1/500 | Các xã thuộc các huyện trên địa bàn thành phố. | | Xác định trong quá trình thực hiện | UBND các huyện, xã | Theo tiến độ thực tế | | UBND các huyện, xã xem xét sự cần thiết, tổ chức lập các quy hoạch chi tiết trung tâm xã, quy hoạch chi tiết điểm dân cư nông thôn sau khi các quy hoạch chung xây dựng xã được duyệt. | Sở Quy hoạch - Kiến trúc đề xuất |
| III QUY CHẾ QUẢN LÝ KIẾN TRÚC, DANH MỤC CÔNG TRÌNH KIẾN TRÚC CÓ GIÁ TRỊ (theo Luật Kiến trúc) | | | | | | | | | | |
| III.1 | Quy chế quản lý kiến trúc đô thị và nông thôn theo quy định của Luật Kiến trúc | | Các quận, huyện, thị xã thuộc thành phố Hà Nội | | | Sở QHKT; UBND các quận, huyện, thị xã và các đơn vị liên quan | 2022 | 2025 | Sở QHKT đã có văn bản số 5136/QHKT-KHTH ngày 12/11/2021 báo cáo UBND Thành phố. Tổ chức thực hiện sau khi có ý kiến chỉ đạo của UBND thành phố | |
| III.2 | Xây dựng Danh mục công trình kiến trúc có giá trị | | Các quận, huyện, thị xã thuộc thành phố Hà Nội | | | Sở QHKT; UBND các quận, huyện, thị xã và các đơn vị liên quan | 2022 | 2025 | | Triển khai theo Chương trình số 05-CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy |
| IV CÁC QUY HOẠCH HẠ TẦNG KỸ THUẬT | | | | | | | | | | |
| IV.1 | Rà soát Điều chỉnh Quy hoạch giao thông vận tải Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 | | Các quận, huyện, thị xã thuộc thành phố Hà Nội | | | Sở Giao thông vận tải | 2021 | 2022 | | Triển khai theo Chương trình số 05-CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy |
| IV.2 | Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch xử lý chất thải rắn Thủ đô đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 | | Các huyện, thị xã thuộc thành phố Hà Nội | | | Sở Xây dựng | 2021 | - | | Triển khai theo Chương trình số 03-CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy |
| IV.3 | Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các Quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật | | Các quận, huyện, thị xã thuộc thành phố Hà Nội | | | Sở Xây dựng | 2021 | 2022 | | Triển khai theo Chương trình số 05-CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy |
| IV.4 | QH các khu nghĩa trang tập trung | | Các huyện, thị xã thuộc thành phố Hà Nội | | Xác định trong quá trình thực hiện | Xác định trong quá trình thực hiện | 2021 | 2025 | Cấp thẩm quyền sẽ xem xét, quyết định việc lập quy hoạch trên cơ sở kết quả rà soát, báo cáo, đánh giá sự cần thiết | Sở Quy hoạch - Kiến trúc đề xuất |

| Stt (1) | Tên đồ án, quy chế,... (2) | Tỷ lệ (3) | Địa điểm (4) | | Quy mô (5) | Đơn vị tổ chức thực hiện (6) | Thời gian thực hiện | | Ghi chú (9) | Văn bản đề xuất của đơn vị (10) |
|------------|---|--------------|--|------------|------------------------------------|------------------------------------|---------------------|------------------------------|--|------------------------------------|
| | | | Phường/xã | Quận/huyện | | | Bắt đầu (7) | Dự kiến hoàn thành (8) | | |
| IV.5 | QH các khu tiếp nhận, xử lý rác tập trung của Thành phố | | Các huyện, thị xã thuộc thành phố Hà Nội | | Xác định trong quá trình thực hiện | Xác định trong quá trình thực hiện | 2021 | 2025 | Cấp thẩm quyền sẽ xem xét, quyết định việc lập quy hoạch trên cơ sở kết quả rà soát, báo cáo đánh giá sự cần thiết | Sở Quy hoạch - Kiến trúc đề xuất |